BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

BẢN MÔ TẢ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Kế toán

Mã ngành: 7340301

(Ban hành theo quyết định số 685/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 14/08/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

Hà Nội - 2024

MỤC LỤC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo 1
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo 1
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo 1
2. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường 2
2.1. Sứ mạng 2
2.2. Tầm nhìn phát triển 2
2.3. Giá trị cốt lõi 2
2.4. Triết lý giáo dục 2
3. Mục tiêu của chương trình đào tạo 2
3.1. Mục tiêu chung 2
3.2. Mục tiêu cụ thể 2
4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo 3
4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 3
4.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ 5
4.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp 5
4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường 6
4.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo 6
5. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo 7
6. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam 8
7. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp 9
7.1 Thông tin tuyển sinh 9
7.2. Điều kiện tốt nghiệp 9
8. Chiến lược giảng dạy và học tập 9
9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá 15
9.1. Các hình thức đánh giá 15
9.2 Điểm đánh giá học phần 17
9.3. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs) 20
10. Cấu trúc chương trình đào tạo 21
10.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 21
10.2. Nội dung chương trình đào tạo 21
10.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến 26

11. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs).....31
12. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo 36
13. Mô tả tóm tắt học phần 37
14. Hướng dẫn thực hiện.....59
15. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo.....60
Phụ lục 1: Trình tự giảng dạy chủ đề chuẩn đầu ra 61
Phụ lục 2: Công cụ, tiêu chí đánh giá (rubric) 80

UNETI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 7
Bảng 2: Mức độ tương thích của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với khung trình độ quốc gia việt nam 8
Bảng 3. Các chiến lược và phương pháp dạy - học 10
Bảng 4. Các phương pháp đánh giá 15
Bảng 5. Mối liên hệ giữa các PPKTĐG và học với các PLO 20

UNETI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số 685/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 14/08/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhằm đào tạo cử nhân Kế toán có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có tư duy thực hành cơ bản, có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành kế toán.

Chương trình Cử nhân ngành Kế toán đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vào năm 2019.

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, ban hành ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về "Quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ giáo dục đại học". Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã ban hành các văn bản về việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học để các Khoa làm cơ sở trong việc xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với mục tiêu, chiến lược đào tạo của Trường

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt/tiếng Anh):	Kế toán/Accounting
2. Trình độ đào tạo:	Đại học
3. Ngành đào tạo:	Kế toán
4. Mã ngành:	7340301
5. Thời gian đào tạo	4 năm
6. Loại hình đào tạo:	Chính quy
7. Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Việt

8. Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân Kế toán
9. Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
10. Website	https://uneti.edu.vn; https://khoaketoankiemtoan.uneti.edu.vn
11. Khoa Quản lý CTĐT	Khoa Kế toán Kiểm toán
12. Ngày tháng ban hành/cập nhật:	14/ 08/ 2024

2. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường

2.1. Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ, thực hiện các chức năng giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước.

2.2. Tầm nhìn phát triển

Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước

2.3. Giá trị cốt lõi

Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội. Lấy mục tiêu phát triển bền vững là nền tảng; Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hướng tới; Đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội là phương châm hành động.

2.4. Triết lý giáo dục

"Học tập để kiến tạo tương lai"

3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán nhằm đào tạo cử nhân Kế toán có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có tư duy thực hành cơ bản, có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành kế toán.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

PO1: Áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và quản lý, kinh tế trong lĩnh vực nghề nghiệp tại doanh nghiệp, đơn vị.

PO2: Áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành về kế toán để giải quyết các công việc chuyên môn tại doanh nghiệp, đơn vị.

PO3: Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, sử dụng tư duy phản biện, ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp để phát triển sự nghiệp, sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong công việc.

PO4**:** Thể hiện được khả năng vận dụng công nghệ thông tin, kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành kế toán để hoàn thành công việc chuyên môn.

PO5: Thể hiện năng lực làm việc độc lập, quản lý công việc hiệu quả để hoàn thành công việc chuyên môn; khả năng tự học, học tập suốt đời và trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán.

4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán có khả năng:

Chuẩn đầu ra	Nội dung chuẩn đầu ra
1	**Kiến thức chung**
PLO1	Áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị
2	**Kiến thức chuyên môn**
PLO2	Áp dụng kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế vào lĩnh vực nghề nghiệp trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị
PLO3	Áp dụng hiệu quả các kiến thức chung của ngành kế toán trong thực hiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị
PLO4	Phân tích dữ liệu kế toán, nghiên cứu cải tiến các hoạt động kế toán một cách có hiệu quả
PLO5a	*Modul 1:* Kế toán doanh nghiệp Nhận dạng đặc thù của các loại hình doanh nghiệp để thực hiện và nghiên cứu cải tiến công tác kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp thương mại, doanh nghiệp dịch vụ, doanh nghiệp xây dựng, doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, tập đoàn, tổng công ty
PLO5b	*Modul 2:* Kế toán nhà hàng, khách sạn Nhận dạng đặc thù của các loại dịch vụ để thực hiện và nghiên cứu cải tiến công tác kế toán của doanh nghiệp kinh doanh ẩm thực, dịch vụ ăn uống, dịch vụ lưu trú và các dịch vụ khác trong nhà hàng, khách sạn.
PLO5c	*Modul 3:* Kế toán công Nhận dạng đặc thù của các đơn vị sự nghiệp công để thực hiện và nghiên cứu cải tiến công tác kế toán.
PLO5d	*Modul 4:* Kế toán kiểm toán

Chuẩn đầu ra	Nội dung chuẩn đầu ra
	Nhận dạng các loại hình kiểm toán để thực hiện và nghiên cứu cải tiến công tác kế toán, kiểm toán trong các doanh nghiệp, đơn vị.
3	**Kỹ năng chung**
PLO6	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp và làm việc nhóm trong công việc chuyên môn
PLO7	Sử dụng tiếng Anh thành thạo ở mức B1 để giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc của đơn vị
PLO8	Sử dụng được tư duy phản biện, ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp để phát triển sự nghiệp
4	**Kỹ năng chuyên môn**
PLO9	Ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ trong công việc chuyên môn kế toán
PLO10	Vận dụng chính xác các kiến thức chung về kế toán, phân tích báo cáo tài chính, thuế trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị
PLO11a	*Modul 1:* Kế toán doanh nghiệp Thực hiện đầy đủ quy trình kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng, xuất nhập khẩu, tập đoàn, tổng công ty
PLO11b	*Modul 2:* Kế toán nhà hàng, khách sạn Thực hiện đầy đủ quy trình kế toán tại các doanh nghiệp kinh doanh ẩm thực, dịch vụ ăn uống, dịch vụ lưu trú và các dịch vụ khác thường có trong nhà hàng, khách sạn.
PLO11c	*Modul 3:* Kế toán công Thực hiện đầy đủ quy trình kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập
PLO11d	*Modul 4:* Kế toán kiểm toán Thực hiện đầy đủ quy trình kiểm toán trong các doanh nghiệp, đơn vị
5	**Năng lực tự chủ và trách nhiệm**
PLO12	Chứng minh được khả năng làm việc độc lập và quản lý công việc hiệu quả
PLO13	Chứng minh được khả năng tự học và học tập suốt đời, liên tục cập nhật và vận dụng kiến thức mới để phát triển sự nghiệp.
PLO14	Thích ứng với những yêu cầu về trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán

4.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

4.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp hướng tới đào tạo nguồn nhân lực kế toán theo định hướng ứng dụng. Vì vậy, chương trình cử nhân kế toán được xây dựng nhằm đến kết quả của chương trình là người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí công việc chuyên môn tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức kinh tế - xã hội khác. Với những kiến thức về chuyên ngành được đào tạo, người học có thể đảm nhận được những vị trí công việc như sau:

Nhóm 1 - Nhân viên kế toán: Có đủ năng lực làm việc các doanh nghiệp, các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, các công ty liên doanh, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, các tổng công ty, các tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước thuộc mọi thành phần kinh tế. Có thể đảm nhiệm được công việc của các phần hành kế toán trong đơn vị, triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên viên kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các cơ quan và tổ chức kinh tế.

Nhóm 2 - Nhân viên phân tích và tư vấn: có đủ năng lực đảm nhiệm các công việc phân tích và tư vấn về kế toán, thuế, tài chính tại các công ty tài chính và phi tài chính; tương lai có thể phát triển nghề nghiệp thành các chuyên gia phân tích, tư vấn trong các lĩnh vực này.

Nhóm 3 - Trợ lý kiểm toán, kiểm soát viên trong các bộ phận kiểm toán nội bộ, các bộ phận chuyên môn của Kiểm toán Nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập; tiến tới trong tương lai trở thành kiểm toán viên chuyên nghiệp khi được trang bị chứng chỉ hành nghề chứng chỉ quốc gia/quốc tế để hành nghề cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán tư vấn tài chính cho các các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Nhóm 4 - Nghiên cứu viên và giảng viên: Có thể nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu về lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán; có thể tiếp tục học tập phấn đấu để trở thành giảng viên chính, giảng viên cao cấp và chuyên gia nghiên cứu về lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

Chương trình đào tạo ngành kế toán của Nhà trường là một nền tảng tốt để người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc ở nhiều vị trí khác nhau và có thể tự chuyển đổi, phát triển nghề nghiệp từ lĩnh vực kế toán, kiểm toán sang các lĩnh vực nghề nghiệp khác

như: quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, thuế; có thể tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng về chuyên ngành kế toán.

4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, với những kiến thức cơ bản và chuyên sâu được tích lũy, người học có khả năng:

- Tiếp tục tự đọc, tự tra cứu và tiếp cận đến hệ thống tài liệu văn bản, giáo trình, sách chuyên khảo, bài báo khoa học để nâng cao kiến thức chuyên sâu phục vụ cho vị trí công việc cụ thể tại đơn vị được tuyển dụng.

- Tiếp tục trau dồi thêm kỹ năng ở môi trường làm việc thông qua học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với các cán bộ đồng nghiệp, cán bộ quản lý và chuyên gia trong các lĩnh vực mà người học theo đuổi.

- Tiếp tục học thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành kế toán hoặc tài chính -ngân hàng và các chuyên ngành liên quan.

4.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo

- Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

- Chương trình đào tạo ngành Kế toán Đại học Công nghiệp Hà Nội

- Chương trình đào tạo ngành Kế toán Đại học Mở Hà Nội

- Chương trình đào tạo ngành Kế toán Đại học Kinh tế quốc dân

- Chương trình đào tạo ngành Kế toán, Trường Đại học Monash, thành phố Melbourne, Úc.

5. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 1: Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		**Chuẩn đầu ra của CTĐT**													
		PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**	**PLO13**	**PLO14**
Mục tiêu chung		Chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán nhằm đào tạo cử nhân Kế toán có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có tư duy thực hành cơ bản, có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành kế toán.													
Mục tiêu cụ thể															
PO1		X	X												
PO2				X	X	X									
PO3							X	X	X						
PO4										X	X	X			
PO5													X	X	X

6. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Bảng 2: Mức độ tương thích của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với khung trình độ quốc gia việt nam

CĐR theo Khung TĐQG / Chuẩn đầu ra	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1		X													
PLO2	X														
PLO3				X											
PLO4					X										
PLO5					X										
PLO6										X					
PLO7											X				
PLO8						X	X	X	X						
PLO9			X												
PLO10										X					
PLO11										X					
PLO12												X	X		X
PLO13														X	
PLO14												X			

7. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp [1]

7.1 Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông báo và hướng dẫn của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (https://uneti.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh)

+ Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT

+ Phương thức tuyển sinh: Theo phương thức xét tuyển trong đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

7.2. Điều kiện tốt nghiệp[2]

Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định trong Quy chế;

c) Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ, tin học theo quy định của Nhà trường với từng đối tượng và thời điểm;

đ) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao;

e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

8. Chiến lược giảng dạy và học tập

Các chiến lược giảng dạy và học được thiết kế nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, cụ thể như sau**:**

[1] Tùy từng trình độ Đại học/Thạc sĩ mà đưa thông tin về tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp cho đúng đối tượng (Lấy thông tin trên web tuyển sinh nhà trường).
[2] Mô tả điều kiện tốt nghiệp đúng đối tượng là Đại học/Thạc sĩ.

Bảng 3. Các chiến lược và phương pháp dạy - học[3]

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
1.Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học		Phương pháp thuyết trình vấn đề (Problem Solving)	- GV đặt vấn đề - GV phát biểu vấn đề - GV giải quyết vấn đề theo 2 logic phổ biến: quy nạp hoặc diễn dịch. - Kết luận và thảo luận (nhấn mạnh, tổng kết, liên hệ, đánh giá, kiểm tra...)	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13
		Phương pháp giải quyết vấn đề (Problem based learning)	- Đặt vấn đề (GV tạo tình huống bài học) - Giải quyết vấn đề (GV định hướng đề SV đề xuất giải pháp và thực hiện); - Kết luận và vận dụng	PLO1, PLO2, PLO3 PLO4, PLO5 PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13
		Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning)	- Lựa chọn đề tài (là trọng tâm bài học) - Chia nhóm (theo tổ hoặc theo danh sách	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4,

[3] Đây là bảng ví dụ về chiến lược và phương pháp dạy học được áp dụng trong CTĐT, với các PP dạy học này sẽ được sử dụng trong các ĐCCT. Thầy/Cô cần liệt kê cho phù hợp.

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
			hoặc theo thẻ bài) - Giao nhiệm vụ và giám sát nhóm làm việc - Trình bày và thảo luận	PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13, PLO14
		Dạy học đa phương tiện	- GV sử dụng các công cụ, phương tiện hiện đại để hỗ trợ quá trình giảng dạy - SV thực hiện tra cứu thông tin, tài liệu thông qua máy tính, mạng internet	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13
		Mô hình	- GV sử dụng các mô hình để nghiên cứu, giải thích cho nội dung của bài học - SV nghiên cứu, ghi nhớ các mô hình	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
		Mô phỏng	- GV sử dụng các công cụ và phần mềm trên máy tính để tạo ra các tình huống giả định, của bài thực hành cho sinh viên - SV thực hiện theo hướng dẫn	PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO9, PLO10, PLO11, PLO13
		Phân công công việc	- GV phân công công việc theo tiến độ - SV thực hiện theo tiến độ phân công	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13
		Cho thấy và kể	- SV trình bày các vấn đề phát sinh liên quan đến bài học - GV căn cứ trên kết quả học tập của SV, các vấn đề SV nêu ra để đưa ra hướng giải quyết	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12,

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
				PLO13
2	Dạy học hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu	Thảo luận (Seminar)	- Chuẩn bị (GV nêu tên chủ đề, phân công nhiệm vụ) - SV nghiên cứu và viết bài thuyết trình - Thực hiện (Bố trí không gian, GV giới thiệu và phổ biến yêu cầu của seminar, SV thuyết trình, tổ chức thảo luận) - Kết luận và mở rộng.	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12 PLO13
3	Dạy học nâng cao năng lực kỹ năng thực hành, thực tập	Dạy học qua thực hành (Experiment)	- GV hướng dẫn về nội dung các bài thực hành - SV thực hiện lặp lại tương tự - SV quan sát kết quả và phân tích kết quả	PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13 PLO14
		Dạy học đóng vai (Role-play teaching)	- GV chuẩn bị "kịch bản" có nội dung liên quan đến môn học. - Một số SV được phân vai để thực hiện "kịch bản". Số SV còn lại đóng vai trò khán giả và người đánh giá.	PLO3 PLO6 PLO10 PLO12
		Dạy học qua tình	- Đưa ra tình huống	PLO3,

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
		huống (Case study)	thực tế tại các doanh nghiệp/cơ sở thực tập - Nghiên cứu tình huống - Phân tích, xử lý tình huống - Báo cáo kết quả	PLO4, PLO5, PLO6, PLO8, PLO9, PLO11 PLO12 PLO13 PLO14
		Dạy học thông qua dự án (Project-based learning)	- Thiết kế ý tưởng dự án (gồm các bước: xác định vấn đề thực tiễn, mục tiêu dự án, nguồn hỗ trợ SV thực hiện, thiết kế công cụ đánh giá sản phẩm dự án) - Tổ chức dạy học dự án (gồm các bước: xây dựng ý tưởng dự án, quyết định chủ đề; xây dựng kế hoạch thực hiện; thực hiện dự án; báo cáo dự án và đánh giá).	PLO2 PLO6 PLO8 PLO12 PLO13
		Quan sát và trải nghiệm thực tế (Field trip)	- GV xác định mục tiêu, đối tượng, cách thức quan sát và trải nghiệm - SV thực hiện quan sát và trải nghiệm (tại cơ sở thực tập) - Phản hồi - Tổng kết và vận dụng	PLO5 PLO6 PLO11 PLO12 PLO13 PLO14

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

9.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác độ mức độ đạt được CĐR của học phần từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CĐR của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 10 tháng 09 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ

Khoa Kế toán Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã phát triển và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Các phương pháp đánh giá này được thiết kế để đảm bảo không chỉ đánh giá kiến thức chuyên môn của sinh viên mà còn tập trung vào đánh giá thái độ và kỹ năng thể hiện rõ ràng trong CLOs.

Tùy theo chuẩn đầu ra của học phần, giảng viên sẽ lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp cho các điểm thành phần (điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần…). Sau khi sinh viên hoàn thành đủ số giờ lên lớp theo quy định của trường cho từng học phần sẽ tham dự kỳ thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận, trắc nghiệm hoặc vừa tự luận vừa trắc nghiệm, viết chuyên đề báo cáo (tiểu luận) môn học hoặc đồ án môn học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng:

Bảng 4. Các phương pháp đánh giá

TT	Phương pháp đánh giá	Mô tả phương pháp đánh giá
	Đánh giá quá trình (On going/Formative Assessment)	Mục đích của đánh giá quá trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học. Việc đánh giá quá trình được thực hiện theo Rubric1, Rubic 2a, 2b, và Rubic 3
	Đánh giá chuyên cần (Attendence Check)	*Mô tả phương pháp*: Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của người học trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp người học tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt, đúng đắn, chấp hành nội quy, nền nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện

TT	Phương pháp đánh giá	Mô tả phương pháp đánh giá
		theo quy định. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1
	Đánh giá bài tập (Work Assigment)	*Mô tả phương pháp*: người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân và một nhóm người học được đánh giá theo tiêu chí cụ thể tùy giảng viên quy định. Việc đánh giá bài tập được thực hiện theo Rubric 2a, 2b
	Đánh giá thảo luận (Seminar)	*Mô tả phương pháp*: Trong một số học phần, người học được yêu cầu làm việc nhóm để thảo luận một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Việc đánh giá thảo luận được thực hiện theo Rubric 3a, 3b
	Đánh giá tổng kết (Summative Assessment)	Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá kết thúc học phần.
	Kiểm tra viết (Written Exam)	*Mô tả phương pháp:* Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	*Mô tả phương pháp:* Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.
	Bài thực hành, Tiểu luận	*Mô tả phương pháp*: người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung

TT	Phương pháp đánh giá	Mô tả phương pháp đánh giá
	(Written Report)	trình bày trong bài thực hành, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ… trong bài thực hành, tiểu luận. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 4a, 4b.
	Đánh giá báo cáo thực hành, thực tập (Internship Report)	*Mô tả phương pháp*: người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ… trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 5.
	Đánh giá Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp (Graduation Thesis)	*Mô tả phương* pháp: Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận/đồ án bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 6a, 6b.

9.2 Điểm đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 60%) và điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy) (chiếm tỷ trọng 40%).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:

+ Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận

+ Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

+ Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.

+ Số lần kiểm tra thường xuyên: tối thiểu là 1. Ngoài ra, Khoa, tổ chuyên môn có thể quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học

phần cụ thể.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) là điểm trung bình của các loại điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy.

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ: là điểm đánh giá các bài thực hành định kỳ trong quá trình giảng dạy, được tính hệ số 1.

Số điểm kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần:

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong Đề cương chi tiết của học phần.

3. Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

4. Điểm học phần được tính như sau:

a) Đối với học phần lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, thí nghiệm, thảo luận: Điểm học phần được tính bằng 40% điểm quá trình cộng với 60% điểm thi kết thúc học phần;

b) Đối với học phần thực hành, thực tập: Điểm học phần là điểm trung bình của các điểm đánh giá bộ phận.

5. Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:	A	(8,5 - 10)	Giỏi
	B^+	(7,8 - 8,4)	Khá Giỏi

	B (7,0 - 7,7)	Khá
	C^+ (6,3 - 6,9)	Trung bình Khá
	C (5,5 - 6,2)	Trung bình
	D^+ (4,8 - 5,4)	Trung bình yếu
	D (4,0 - 4,7)	Yếu
b) Loại không đạt:	F^+ (3,0 - 3,9)	Kém
	F (0,0 - 2,9)	Rất Kém



9.3. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Bảng 5. Mối liên hệ giữa các PPKTĐG và học với các PLO

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)													
A	**Đánh giá quá trình (On going/Formative Assessment)**	**PLO1**	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**	**PLO13**	**PLO14**
1	Đánh giá chuyên cần (Attendence Check)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Đánh giá bài tập (Work Assiment)	x	x	x	x	x		x			x	x			
3	Đánh giá thảo luận ((Seminar)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
B	**Đánh giá tổng kết (Summative Assessment)**														
4	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x	x		x							
5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)		x	x	x						x				
7	Bài thực hành, tiểu luận, project (Written Report)						x		x		x	x			
8	Đánh giá báo cáo thực tập (Internship Report)					x	x					x	x		x
9	Đánh giá Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp (Graduation Thesis)					x	x					x	x	x	x

10. Cấu trúc chương trình đào tạo

10.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *68 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *21 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

10.2. Nội dung chương trình đào tạo

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mac-Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. CNXH Khoa học	LLCT& PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT& PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**6**		
002378	1. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUD	3	(36, 18, 90)	x
001102	2. Xác suất thống kê	KHUD	3	(36, 18,90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**3**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
002164	2. Kỹ năng nghề nghiệp – Kế toán	KTKT	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
	1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		**20**		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		11		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000567	3. Nguyên lý thống kê	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000568	4. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001212	5. Nguyên lý kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 3 trong các học phần)		9		
001153	1. Quản trị doanh nghiệp	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
001109	2. Tài chính – tiền tệ	TCNH-BH	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
000666	3. Tài chính doanh nghiệp	TCNH-BH	3	(39, 12, 90)	x
001104	4. Marketing căn bản	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
001743	5. Thống kê kinh doanh	DLKS	3	(39, 12, 90)	
001601	6. Quản trị rủi ro	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
	2.2. Kiến thức chung của ngành		**53**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**41**		
001431	1. Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000447	2. Kế toán tài chính 1	KTKT	3	(39,12,90)	x
000465	3. Thực hành Kế toán tài chính 1	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001162	4. Tiểu luận 1: Thu thập số liệu kế toán	KTKT	2	(0, 120, 0)	x
000448	5. Kế toán tài chính 2	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000479	6. Tin học ứng dụng kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000445	7. Kế toán quản trị 1	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000455	8. Kiểm toán căn bản	KTKT	3	(39,12,90)	x
000466	9. Thực hành Kế toán tài chính 2	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001251	10. Kế toán quản trị 2	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001301	11. Thuế và kế toán thuế	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001745	12. Thực hành Thuế và Kế toán thuế	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
000458	13. Phân tích báo cáo tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001744	14.Thực hành Phân tích BCTC	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 4 trong các học phần)		**12**		
001734	1. Hành nghề kế toán kiểm toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
001250	2. Hệ thống thông tin kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001340	3. Kế toán máy	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001100	4. Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
002053	5. Hợp nhất báo cáo tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	
002464	6. Kiểm soát quản lý	KTKT	3	(39, 12, 90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Modun)*		***25***		
	2.3.1. ***Modun 1****: Kế toán doanh nghiệp*		*25*		
000449	1. Kế toán tài chính 3	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001739	2. Kế toán Doanh nghiệp Thương mại Dịch vụ và Kinh doanh Xuất nhập khẩu	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001740	3. Kế toán Doanh nghiệp Xây lắp và đơn vị chủ đầu tư	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001959	4. Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	KTKT	2	(0, 120, 0)	x
000898	**Thực tập cuối khóa ngành kế toán**	KTKT	**5**	(0, 300, 0)	**x**
001874	**Khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán**	KTKT	**9**	**(0, 540, 0)**	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001737	1. Kế toán doanh nghiệp sản xuất	KTKT	3	(39, 12, 90)	**x**
001736	2. Thực hành kế toán doanh nghiệp	KTKT	3	(0, 90, 90)	**x**
001742	3. Kế toán tập đoàn – Tổng công ty	KTKT	3	(39, 12, 90)	**x**
	2.3.2. ***Modun 2****: Kế toán nhà hàng khách sạn*		*25*		
001733	1. Kế toán nhà hàng	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001732	2. Kế toán khách sạn	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001730	3. Thực hành kế toán nhà hàng, khách	KTKT	3	(0, 90, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
	sạn 1				
001960	4. Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn	KTKT	2	(0, 120, 0)	x
000898	**Thực tập cuối khóa ngành kế toán**	KTKT	**5**	(0, 300, 0)	**x**
001874	**Khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán**	KTKT	**9**	**(0, 540, 0)**	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001731	1. Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 2	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001737	2. Kế toán doanh nghiệp sản xuất	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001742	3. Kế toán tập đoàn – Tổng công ty	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
	*2.3.3. **Modun 3**: Kế toán công*		*25*		
000441	1. Kế toán hành chính sự nghiệp	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001727	2. Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001729	3. Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001962	4. Tiểu luận 2: Chuyên ngành Kế toán công	KTKT	2	(0, 120, 0)	x
000898	**Thực tập cuối khóa ngành kế toán**	KTKT	5	(0, 300, 0)	**x**
001874	**Khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán**	KTKT	**9**	**(0, 540, 0)**	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001726	1.Thực hành Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	KTKT	3	(0, 90, 90)	**x**
001725	2. Kế toán ngân sách và tài chính xã	KTKT	3	(39, 12, 90)	**x**
002649	3. Chuẩn mực kế toán công	KTKT	3	(39, 12, 90)	**x**
	*2.3.4. **Modun 4**: Kế toán kiểm toán (áp dụng đến khóa 16)*		25		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
000454	1. Kiểm toán báo cáo tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001724	2. Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001723	3. Thực hành Kiểm toán BCTC	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001961	4. Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán kiểm toán	KTKT	2	(0, 120, 0)	x
000898	**Thực Tập Cuối Khóa**	KTKT	**5**	(0, 300, 0)	**x**
001874	**Khóa luận tốt nghiệp**	KTKT	**9**	**(0, 540, 0)**	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001722	1. Kiểm toán hoạt động	KTKT	3	(39, 12, 90)	**x**
001721	2. Kiểm toán nội bộ	KTKT	3	(39, 12, 90)	**x**
001829	3. Kiểm soát nội bộ	KTKT	3	(39, 12, 90)	**x**

Chú ý: Đánh dấu "x" vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

10.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
I		**Học kỳ 1**		
1	001535	Triết học Mác-Lênin	Lý thuyết	3
2	000585	Pháp luật đại cương	Lý thuyết	2
3	000718	Giáo dục thể chất 1	Giáo Dục Thể Chất	1
4	000564	Kinh tế vi mô	Lý thuyết	2
5	000567	Nguyên lý thống kê	Lý thuyết	2
6	001153	Quản trị doanh nghiệp	Lý thuyết	3
II		**Học kỳ 2**		

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	001102	Xác suất thống kê	Lý thuyết	3
2	001942	Tiếng Anh 1	Lý thuyết	4
3	000719	Giáo dục thể chất 2	Giáo Dục Thể Chất	1
4	000565	Kinh tế vĩ mô	Lý thuyết	2
5	000568	Pháp luật kinh tế	Lý thuyết	2
6	001212	Nguyên lý kế toán	Lý thuyết	3
7	001109	Tài chính - tiền tệ	Lý thuyết	3
III		**Học kỳ 3**		
1	001536	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Lý thuyết	2
2	000573	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lý thuyết	2
3	001537	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Lý thuyết	2
4	001943	Tiếng Anh 2	Lý thuyết	4
5	002151	Kỹ năng nhận thức bản thân	Lý thuyết	1
6	001431	Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực KT Việt Nam	Lý thuyết	3
7	000447	Kế toán tài chính 1	Lý thuyết	3
8	001250	Hệ thống thông tin kế toán	Lý thuyết	3
9	000666	Tài chính doanh nghiệp	Lý thuyết	3
IV		**Học kỳ 4**		
1	001944	Tiếng Anh 3	Lý thuyết	4
2	002164	Kỹ năng nghề nghiệp - Kế toán (Kỹ năng khởi nghiệp)	Lý thuyết	1
3	002200	Giáo dục quốc phòng - HP1	Giáo Dục Quốc Phòng	3
4	002201	Giáo dục quốc phòng - HP2	Giáo Dục Quốc Phòng	2
5	002202	Giáo dục quốc phòng - HP3	Giáo Dục Quốc Phòng	1
6	002203	Giáo dục quốc phòng - HP4	Giáo Dục Quốc Phòng	2
7	000465	Thực hành Kế toán tài chính 1	Thực hành	3

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
8	000448	Kế toán tài chính 2	Lý thuyết	3
V		**Học kỳ 5**		
1	001945	Tiếng Anh 4	Lý thuyết	4
2	000739	Giáo dục thể chất 3	Giáo Dục Thể Chất	1
3	001162	Tiểu luận 1	Thực hành	2
4	000479	Tin học ứng dụng kế toán	HP sử dụng phòng Máy Tính Chung	3
5	000445	Kế toán quản trị 1	Lý thuyết	3
6	000466	Thực hành Kế toán tài chính 2	Thực hành	3
7	000455	Kiểm toán căn bản	Lý thuyết	3
VI		**Học kỳ 6**		
1	001100	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	Lý thuyết	3
2	000740	Giáo dục thể chất 4	Giáo Dục Thể Chất	1
3	001251	Kế toán quản trị 2	Lý thuyết	3
4	001301	Thuế và Kế toán thuế	Lý thuyết	3
5	000458	Phân tích báo cáo tài chính	Lý thuyết	3
6	001734	Hành nghề kế toán kiểm toán	Lý thuyết	3
7.1	000449	Kế toán tài chính 3	LT_Modul 1: KTDN	3
7.2	001732	Kế toán khách sạn	LT_Modul 2: KTNHKS	3
7.3	000441	Kế toán hành chính sự nghiệp	LT_Modul 3: KTC	3
7.4	000454	Kiểm toán báo cáo tài chính	LT_Modul 4: KTKiT	3
VII		**Học kỳ 7**		
1	002129	Kỹ năng Phỏng vấn xin việc	Lý thuyết	1
2	001745	Thực hành Thuế và Kế toán thuế	Thực hành	3
3	001340	Kế toán máy	HP sử dụng phòng Máy Tính Chung	3
4	001744	Thực hành Phân tích BCTC	Thực hành	3

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
5.1	001739	Kế toán DN TMDV và KDXNK	LT_Modul 1: KTDN	3
6.1	001740	Kế toán DNXL và đơn vị chủ đầu tư	LT_Modul 1: KTDN	3
7.1	001959	Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	TH_Modul 1: KTDN	2
5.2	001733	Kế toán nhà hàng	LT_Modul 2: KTNHKS	3
6.2	001730	Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 1	TH_Modul 2: KTNHKS	3
7.2	001960	Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn	TH_Modul 2: KTNHKS	2
5.3	001727	Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	LT_Modul 3: KTC	3
6.3	001729	Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp	TH_Modul 3: KTC	3
7.3	001962	Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán công	TH_Modul 3: KTC	2
5.4	001724	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	LT_Modul 4: KTKiT	3
6.4	001723	Thực hành Kiểm toán BCTC	TH_Modul 4: KTKiT	3
7.4	001961	Tiểu luận 2: Chuyên ngành kiểm toán	TH_Modul 4: KTKiT	2
VIII		**Học kỳ 8**		
1	001538	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Lý thuyết	2
2	001053	Toán ứng dụng cho Kinh tế	Lý thuyết	3
3	000898	Thực tập cuối khóa	Doanh nghiệp	5
4	001874	Khóa luận tốt nghiệp ngành Kê toán	Doanh nghiệp	9
		Các học phần thay thế KLTN	LT_Modul 1: KTDN	9
5.1	001737	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	LT_Modul 1: KTDN	3
6.1	001736	Thực hành Kế toán doanh nghiệp	TH_Modul 1: KTDN	3
7.1	001742	Kế toán tập đoàn Tổng công ty	LT_Modul 1: KTDN	3
		Các học phần thay thế KLTN	TH_Modul 2:KTNHKS	9
5.2	001731	Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn	TH_Modul 2: KTNHKS	3

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
		2		
5.2	001737	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	LT_Modul 2: KTNHKS	3
6.2	001742	Kế toán tập đoàn Tổng công ty	LT_Modul 2: KTNHKS	3
		Các học phần thay thế KLTN	TH_Modul 3: KTC	9
4.3	001726	Thực hành Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	TH_Modul 3: KTC	3
5.3	001725	Kế toán ngân sách và tài chính xã	LT_Modul 3: KTC	3
6.3	001734	Chuẩn mực kế toán công	LT_Modul 3: KTC	3
		Các học phần thay thế KLTN		9
4.4	001722	Kiểm toán hoạt động	LT_Modul 4: KTKiT	3
5.4	001721	Kiểm toán nội bộ	LT_Modul 4: KTKiT	3
5.5	001829	Kiểm soát nội bộ	LT_Modul 4: KTKiT	3

11. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																		
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5a	PLO 5b	PLO 5c	PLO 5d	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11a	PLO 11b	PLO 11c	PLO 11d	PLO 12	PLO 13	PLO 14
I	**Kiến thức giáo dục đại cương**																						
1	001535	Triết học Mác-Lênin	3	1	2										2								2	
2	001536	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	3	3, A	3									2								2	
3	001537	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3	2										2								2	
4	000573	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	6	2										2								2	
5	001538	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	8	2										2								2	
6	000585	Pháp luật đại cương	2	1	3, A										2									
7	001102	Xác suất thống kê	3	2	2, A								2										2	
8	002378	Toán ứng dụng trong kinh tế	3	8	3, A	2							2									2		
9	001942	Tiếng Anh 1	4	2										2										
10	001943	Tiếng Anh 2	4	3										2										
11	001944	Tiếng Anh 3	4	4										3										
12	001945	Tiếng Anh 4	4	5										3										
13	002151	Kỹ năng nhận thức bản thân	1	3	2										2									
14	002164	Kỹ năng nghề nghiệp - Kế toán	1	4		2							2, A		3, A							3	2	
15	002129	Kỹ năng Phỏng vấn xin việc	1	7	3										2									
II	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**																							
II.1	**Kiến thức cơ sở ngành**																							
16	000564	Kinh tế vi mô	2	1		2																	2	
17	000565	Kinh tế vĩ mô	2	2		3, A																2		
18	000567	Nguyên lý thống kê	2	1		2																		2
19	001153	Quản trị doanh nghiệp	3	1		3, A																	2	
20	000568	Pháp luật kinh tế	2	2		2, A																		
21	001109	Tài chính - tiền tệ	3	2		2																	2	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																			
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5a	PLO 5b	PLO 5c	PLO 5d	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11a	PLO 11b	PLO 11c	PLO 11d	PLO 12	PLO 13	PLO 14
22	000666	Tài chính doanh nghiệp	3	3		3, A							2										2	
23	001212	Nguyên lý kế toán	3	2		2, A							2										2	
II.2	**Kiến thức chung của ngành**																							
24	001431	Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực KT Việt Nam	3	3			2, A										2					2		2
25	001250	Hệ thống thông tin kế toán	3	3			2	2, A									2					2, A		
26	000447	Kế toán tài chính 1	3	3			2, A										2						2	
27	000445	Kế toán quản trị 1	3	5			2, A	2									3						2	
28	000465	Thực hành Kế toán tài chính 1	3	4			2						2, A				2, A					2		
29	001162	Tiểu luận 1: Thu thập số liệu kế toán	2	5			3, A						2										2, A	
30	000448	Kế toán tài chính 2	3	4			3, A										3						3	
31	000479	Tin học ứng dụng kế toán	3	5			3									2, A	3						3	
32	000455	Kiểm toán căn bản	3	5				3, A							3, A									2
33	000466	Thực hành Kế toán tài chính 2	3	5			3, A						3, A				3, A					3		
34	001251	Kế toán quản trị 2	3	6			3	3, A									3					3, A		
35	001301	Thuế và Kế toán thuế	3	6			3, A										3, A						3	
36	001100	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	3	6			3, A										3, A						3	
37	001745	Thực hành Thuế và Kế toán thuế	3	7			3									3, A	3, A					3		
38	001340	Kế toán máy	3	7			3									3, A							3	
39	000458	Phân tích báo cáo tài chính	3	6			3	4, A									3, A					3		
40	001734	Hành nghề kế toán kiểm toán	3	6			3								3									3, A
41	001744	Thực hành Phân tích BCTC	3	7				4, A					3			3, A						3		
II.3	**Kiến thức chuyên ngành: tự chọn**																							

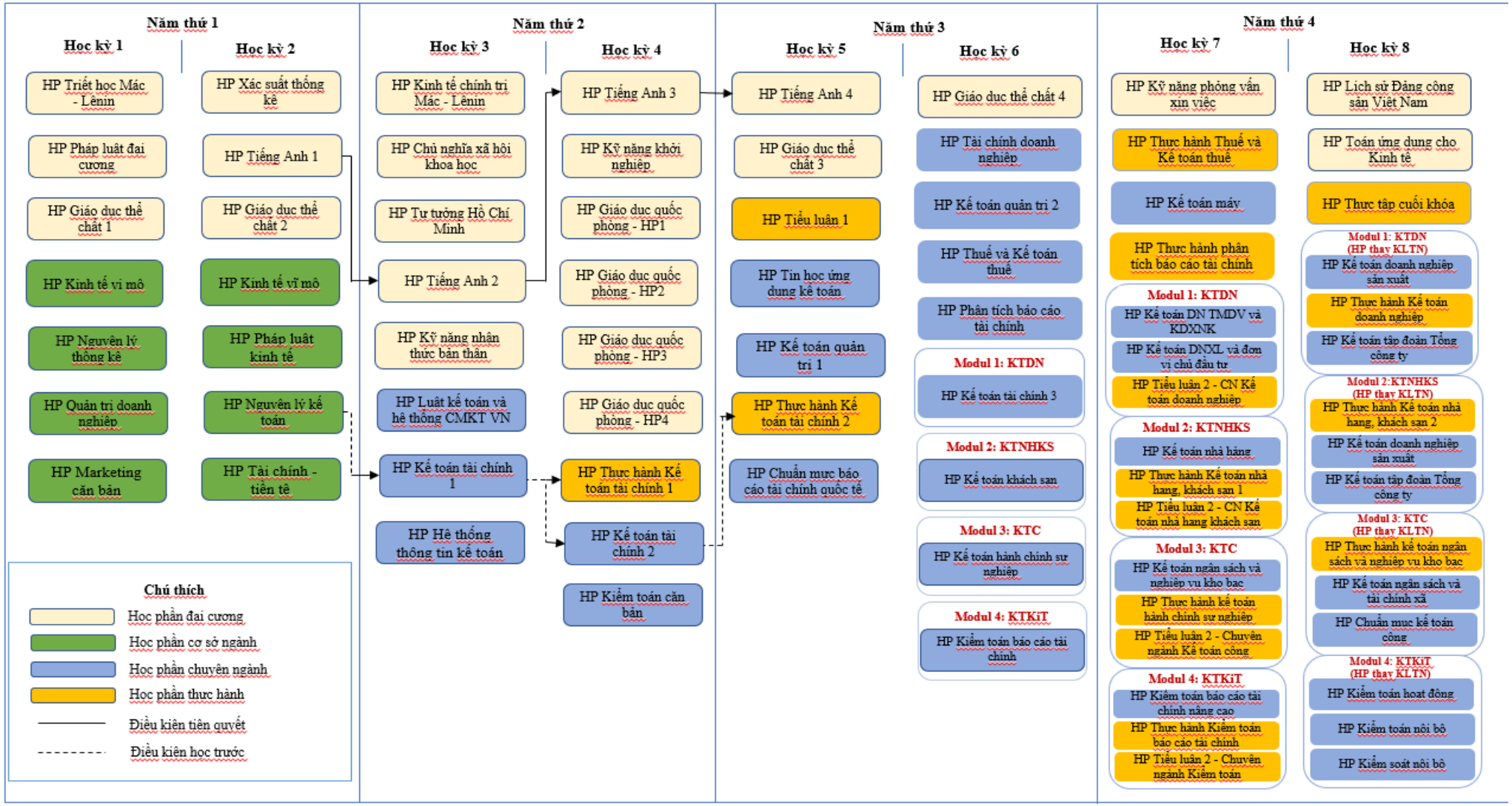
TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																		
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5a	PLO 5b	PLO 5c	PLO 5d	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11a	PLO 11b	PLO 11c	PLO 11d	PLO 12	PLO 13	PLO 14
	theo định hướng ứng dụng (chọn theo Modul)																						
	Modul 1: Kế toán doanh nghiệp																						
42	000449	Kế toán tài chính 3	3	6					3, A									2					3	
43	001959	Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán DN	2	7					3, A				3					3					3, A	3
44	001739	Kế toán DN TMDV và KDXNK	3	7					4, A									3					3	
45	001740	Kế toán DNXL và đơn vị chủ đầu tư	3	7					4, A									3					3	
46	000898	Thực tập cuối khóa	5	8					4, A				3, A					3, A				3, A	3	3, A
47	001874	Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán	9	8					4, A				3, A					3, A				3, A	3, A	3, A
48	001737	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	3	8					4, A									3					3	
49	001736	Thực hành Kế toán doanh nghiệp	3	8					4				3, A					3, A						
50	001742	Kế toán tập đoàn - Tổng công ty	3	8					4, A									3					3	
	Modul 2: Kế toán nhà hàng khách sạn																						
42	001733	Kế toán nhà hàng	3	6						3, A									2				3	
43	001960	Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn	2	7						3, A			3						3				3, A	3
44	001732	Kế toán khách sạn	3	7						4, A									3				3	
45	001730	Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 1	3	7						4, A									3				3	
46	000898	Thực tập cuối khóa	5	8						4, A			3, A						3, A			3, A	3	3, A
47	001874	Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán	9	8						4, A			3, A						3, A			3, A	3, A	3, A
48	001731	Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 2	3	8						4, A									3				3	
49	001737	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	3	8						4			3, A						3, A					
50	001742	Kế toán tập đoàn -	3	8						4, A									3				3	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																		
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5a	PLO 5b	PLO 5c	PLO 5d	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11a	PLO 11b	PLO 11c	PLO 11d	PLO 12	PLO 13	PLO 14
		Tổng công ty																					
	Modul 3: Kế toán công																						
42	000441	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	6							3, A									2			3	
43	001962	Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán công	2	7							3, A		3							3			3, A	3
44	001727	Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	3	7							4, A									3			3	
45	001729	Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp	3	7							4, A									3			3	
46	000898	Thực tập cuối khóa	5	8							4, A		3, A							3, A		3, A	3	3, A
47	001874	Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán	9	8							4, A		3, A							3, A		3, A	3, A	3, A
48	001726	Thực hành Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	3	8							4, A									3			3	
49	001725	Kế toán ngân sách và tài chính xã	3	8							4		3, A							3,A				
50	001734	Chuẩn mực kế toán công	3	8							4, A									3			3	
		Modul 4: Kế toán kiểm toán																						
42	00454	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	6								3, A									2		3	
43	001961	Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán kiểm toán	2	7								3, A	3								3		3, A	3
44	001724	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	3	7								4, A									3		3	
45	001723	Thực hành Kiểm toán BCTC	3	7								4, A									3		3	
46	00898	**Thực Tập Cuối Khóa**	5	8								4, A	3, A								3, A	3, A	3	3, A
47	001874	**Khóa luận tốt nghiệp**	9	8								4, A	3, A								3, A	3, A	3, A	3, A
48	001722	Kiểm toán hoạt động	3	8								4, A									3		3	
49	001721	Kiểm toán nội bộ	3	8								4	3, A								3, A			
50	001829	Kiểm soát nội bộ	3	8								4, A									3		3	

Mức năng lực	Mô tả mức độ năng lực của chuẩn đầu ra theo 3 lĩnh vực		
	Nhận thức/Kiến thức (Cognitive) Bloom, Anderson	**Kỹ năng (Psychomotor) Dave**	**Thái độ (Affective)**
Mức 6	Sáng tạo (Creating)	…….	……
Mức 5	Đánh giá (Evaluating)	Tự nhiên hóa/Làm thuần thục (Naturalization)	Hình thành phẩm chất/Tính cách hóa/ Hệ thống hóa (Characterizing)
Mức 4	Phân tích (Analyzing)	Phối hợp/Liên kết (Articulation)	Tổ chức hoặc Thiết lập (Organizing)
Mức 3	Áp dụng (Applying)	Làm chính xác (Precision)	Đánh giá hoặc Nội tâm hóa (Valuing)
Mức 2	Hiểu (Understanding)	Làm được/ Vận dụng/Thao tác (Manipulation)	Đáp ứng/ Phản hồi hiện tượng (Responding)
Mức 1	Biết/Nhớ (Remembering)	Bắt chước (Imitation):	Tiếp nhận (Receiving)

A (Assessed): Học phần cốt lõi (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO/PI) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI

12. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo[4]



[4] Đây là bảng ví dụ cho trình độ Đại học

13. Mô tả tóm tắt học phần

Kiến thức giáo dục đại cương (38 TC)

1. Triết học Mac-Lênin (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(33, 24, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Triết học Mác - Lênin là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy đầu tiên trong những môn thuộc hệ thống các môn khoa học Mác - Lênin, như môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Học phần từng bước trang bị cho sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

2. Kinh tế chính trị Mác- Lênin (Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(21, 18, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Triết học Mác - Lênin
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế chính trị Mác – Lênin là học phần bắt buộc giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng. Được xây dựng theo chương trình lý luận chính trị mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2019, nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức của Kinh tế chính trị Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Ngoài ra, học phần cũng hướng tới việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo của nhà trường, chủ động sáng tạo trong công việc, khắc phục tư tưởng bảo thủ trì trệ.

3.CNXH khoa học (Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(21, 18, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Triết học Mác - Lênin; KTCT Mác - Lênin
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Triết học Mác - Lênin; KTCT Mác - Lênin, CNXHKH

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Triết học Mác - Lênin; KTCT Mác - Lênin, CNXHKH, Tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng, quá trình lãnh đạo giành chính quyền (1930-1945), kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975) cũng như sự nghiệp xây dựng đất nước thời kỳ hòa bình và công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay).

6. Pháp luật Đại cương (Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo sinh viên đại học. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật. Đồng thời, học phần cũng giúp người học tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, bộ máy nhà nước Việt Nam, quyền sở hữu, quyền thừa kế, hợp đồng, vi phạm pháp luật hành chính, tội phạm và quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng. Từ đó, người học có thể hiểu và vận dụng được kiến thức lý luận cũng như một số quy định pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

7. Xác suất thống kê (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36,18, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Xác suất thống kê là học phần cơ sở của chương trình đào tạo đại học các ngành Kỹ thuật và Kinh tế tại trường đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thuyết, phân tích tương quan và hồi quy.

8. Toán ứng dụng trong kinh tế (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36,18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Toán ứng dụng cho kinh tế là học phần đại cương của chương trình đào tạo bậc đại học khối ngành kinh tế, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về phép tính vi-tích phân hàm 1 biến; nhiều biến và các ứng dụng trong kinh tế; kiến thức đại số tuyến tính như ứng dụng ma trận, hệ phương trình tuyến tính trong các bài toán kinh tế. Kiến thức về ứng dụng bài toán quy hoạch tuyến tính; sơ đồ mạng lưới Pert trong lập các mô hình kinh tế.

9. Tiếng Anh 1 (Số TC: 4)

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24, 120)
- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 275
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần này tập trung vào việc phát triển đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ở trình độ A2. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được xây dựng kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp thông qua các tình huống giao tiếp thực tế. Ngoài ra, học phần sẽ trang bị những kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để giao tiếp một cách tự tin, hiệu quả và linh hoạt trong môi trường làm việc.

10. Tiếng Anh 2 (Số TC: 4)

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24, 120)
- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 350
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học, tập trung vào việc phát triển đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ở trình độ A2. Sinh viên sẽ được xây dựng kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp và phát âm thông qua các tình huống giao tiếp thực tế. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để giao tiếp một cách tự tin, hiệu quả và linh hoạt trong môi trường nghề nghiệp.

11. Tiếng Anh 3 (Số TC: 4)

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24, 120)
- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 425
- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần này tập trung vào việc phát triển đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ở trình độ A2-B1. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được xây dựng kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp thông qua các tình huống giao tiếp thực tế. Ngoài ra, học phần sẽ trang bị những kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để giao tiếp một cách tự tin, hiệu quả và linh hoạt trong môi trường làm việc.

12. Tiếng Anh 4 (Số TC: 4)

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24, 120)
- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 425
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 4 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần này tập trung vào việc phát triển đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ở trình độ A2-B1. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được xây dựng kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp thông qua các tình huống giao tiếp thực tế. Ngoài ra, học phần sẽ trang bị những kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để giao tiếp một cách tự tin, hiệu quả và linh hoạt trong môi trường làm việc.

13. Kỹ năng nhận thức bản thân (Số TC: 1)

Phân bố thời gian học tập: 1(12, 6, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kỹ năng nhận thức bản thân là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức của kỹ năng nhận thức bản thân như (Khái niệm, tầm quan trọng, các yếu tố cấu thành nên năng lực, giúp cho sinh viên có sự hiểu biết chính xác về bản thân, bao gồm ưu điểm và khuyết điểm, tư duy, cảm xúc và những động lực thúc đẩy bản thân trong cuộc sống, từ đó biết cách lập kế hoạch cho bản thân).

14. Kỹ năng nghề nghiệp – Kế toán (Số TC: 1)

Phân bố thời gian học tập: 1(13, 4, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 2
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kỹ năng nghề nghiệp kế toán là học phần được giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành kế toán. Học phần này được bố trí thực hiện sau các học phần kiến thức cơ sở. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khởi nghiệp để có thể vận dụng vào thực tế, tạo nền tảng vững chắc về ý thức khởi sự kinh doanh từ đó khơi gợi, thúc đẩy cho sinh viên tinh thần khởi nghiệp; đồng thời thông qua môn học giúp sinh viên rèn luyện lại kỹ năng đã được học tập ở kỳ trước như kỹ năng làm việc nhóm, đồng thời bổ sung các kỹ năng cần thiết cho công việc sau này như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng phân tích, lựa chọn, kỹ năng đàm phán, kỹ năng tin học văn phòng, …từ đó giúp sinh viên xây

dựng hành trang trong tương lai, làm chủ công việc, hình thành năng lực tự chủ cho sinh viên và hình thành kỹ năng làm việc chuyên nghiệp.

15. Kỹ năng phỏng vấn xin việc (Số TC: 1)

Phân bố thời gian học tập: 1(12, 6, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kỹ năng phỏng vấn xin việc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kế toán. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức của kỹ năng phỏng vấn và tìm việc hiệu quả như: (Khái niệm, tầm quan trọng, nguyên nhân, qui trình, nguyên tắc, yêu cầu, kỹ thuật viết CV, kỹ thuật trả lời câu hỏi, các dạng câu hỏi trong phỏng vấn) và các kỹ năng cơ bản gồm kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và viết CV; Kỹ năng chuẩn bị cho bản thân khi phỏng vấn; kỹ năng trả lời câu hỏi hiệu quả; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng tự học, kỹ năng nghiên cứu vấn đề.

16. Giáo dục thể chất 1 (Số TC: 1)

Phân bố thời gian học tập: 1(0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 1 (điền kinh 1) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Lịch sử hình thành và phát triển môn điền kinh, thể dục cơ bản; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý chấn thương trong thể thao. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện nội dung chạy ngắn. Kỹ năng vận động môn chạy ngắn (100m), thể dục tay không 45 động tác, bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy ngắn, phát triển thể lực ; phát triển thể lực chung và chuyên môn chạy ngắn.

17. Giáo dục thể chất 2 (Số TC: 1)

Phân bố thời gian học tập: 1(0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 2 (điền kinh 2) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của chạy bền đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện chạy bền. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện chạy cự ly trung bình (800m-nữ, 1500m- nam). Kỹ năng vận động chạy cự ly trung bình, thể dục tay không 40 động tác, bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy cự ly trung bình, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung.

18. Giáo dục thể chất 3 (Số TC: 1)

Phân bố thời gian học tập: 1(0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 3 (cầu lông 1) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết lợi ích tác dụng của tập luyện cầu lông, một số điều luật thi đấu cầu lông. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện kỹ thuật cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đánh cầu bên phải, trái thấp tay, phát cầu trái tay, phát cầu thuận tay. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông. Học phần này là tiền đề để giảng dạy và học tập học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2).

19. Giáo dục thể chất 4 (Số TC: 1)

Phân bố thời gian học tập: 1(0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết một số điều luật thi đấu cầu lông; chiến thuật đánh đơn, đôi trong thi đấu cầu lông; cách thức tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đập cầu chính diện, phông cầu. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông.

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)

Kiến thức cơ sở ngành

20. Kinh tế vi mô (Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kinh tế vi mô là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán. Học phần trang bị những kiến thức về kinh tế thị trường như cung - cầu hàng hóa; Lý thuyết về người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi doanh nghiệp; Cạnh tranh và độc quyền; Thị trường các yếu tố sản xuất; Hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của chính phủ.

21. Kinh tế vĩ mô (Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Kinh tế vi mô

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kinh tế vĩ mô là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết và các phương pháp phân tích sự vận động của nền kinh tế tổng thể, bao gồm: những nguyên lý chung của kinh tế học; nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể; cách xác định những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu; phân tích sự biến động của nền kinh tế và các kiến thức ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô.

22. Nguyên lý thống kê (Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Nguyên lý thống kê là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ với mặt chất của hiện tượng kinh tế xã hội số lớn gắn liền với các điều kiện không gian và thời gian cụ thể. Học phần trang bị những vấn đề lý luận về khoa học thống kê trong quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế - xã hội.

23. Quản trị doanh nghiệp (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Quản trị doanh nghiệp là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành kế toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản khái quát về doanh nghiệp, chức năng nhiệm vụ và quản trị cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, hoạch định chương trình của quản trị doanh nghiệp. Đồng thời đi sâu vào vào một số nghiệp vụ quản trị cụ thể như: Quản trị nhân sự, kỹ thuật công nghệ, chi phí, kết quả, chính sách tài chính, quản trị vật tư và công tác kiểm soát trong doanh nghiệp.

24. Pháp luật kinh tế (Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần pháp luật kinh tế trang bị cho người học những kiến thức, lý luận cơ bản về pháp luật chủ thể kinh doanh, pháp luật tài chính, pháp luật về hợp đồng, pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản và hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật và việc áp dụng pháp luật kinh tế trong quản lý nền kinh tế

25. Tài chính tiền tệ (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tài chính tiền tệ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Tài chính và tiền tệ; mối liên hệ tương quan trực tiếp giữa các khâu trong hệ thống tài chính. Đồng thời vận dụng các kiến thức lý thuyết về tài chính, tiền tệ, ngân hàng; bảo hiểm, tài chính doanh nghiệp, ngân sách Nhà nước, tín dụng, hoạt động của thị trường tài chính và các trung gian tài chính; chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ, cách tính giá trị thời gian của tiền. để giải thích các hiện tượng kinh tế trong thực tiễn

26. Tài chính doanh nghiệp (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Tài chính tiền tệ

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Tài chính doanh nghiệp là môn khoa học cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan các vấn đề về tài chính của doanh nghiệp như lãi suất, chi phí sử dụng vốn, các quyết định đầu tư; phân tích tài chính doanh nghiệp cũng như kế hoạch hóa tài chính, dự báo tình hình tài chính trong doanh nghiệp

27. Nguyên lý kế toán (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô
- Tóm tắt nội dung học phần: Nguyên lý kế toán là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành kinh tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc, đối tượng của kế toán. Đồng thời, học phần cũng nêu lên các phương pháp kế toán cơ bản như: Phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối và vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hạch toán kế toán các hoạt động chủ yếu trong doanh nghiệp.

Kiến thức chung của ngành

28. Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực KT Việt Nam (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Nguyên lý kế toán
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo Đại học khối ngành kinh tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức mang tính hệ thống về Luật kế toán, hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam. Từ đó giúp học viên có thể nghiên cứu, hiểu được quy trình xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, học viên hiểu để lập sổ sách chứng từ theo đúng luật kế toán quy định cho các học phần thực hành, thực tập cuối khóa, và lập báo cáo tài chính.

29. Hệ thống thông tin kế toán (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Nguyên lý kế toán
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Hệ thống thông tin kế toán là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần này được bố trí giảng dạy sau học phần Nguyên lý kế toán. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin nói chung và hệ thống thông tin kế toán nói riêng với các nội dung cụ thể trong 7 chương bao gồm: Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán; Tổ chức dữ liệu trong hệ thống thông tin kế toán; Hệ thống thông tin kế toán trong chu trình doanh thu và chu trình chi phí; Hệ thống thông tin kế toán trong chu trình chuyển đổi và chu trình tài chính; Kiểm soát hệ thống thông tin kế toán; Phân tích hệ thống thông tin kế toán; Thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống thông tin kế toán.

30. Kế toán tài chính 1 (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Nguyên lý kế toán
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán tài chính 1 là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên của ngành về kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

31. Kế toán quản trị 1 (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Nguyên lý kế toán
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán quản trị 1 là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách thức sử dụng thông tin kế toán phục vụ cho việc lựa chọn hệ thống hạch toán chi phí, phân loại chi phí, phân loại giá thành, quản trị giá thành cho các loại hình doanh nghiệp sản xuất khác nhau. Cung cấp thông tin chi phí để tính điểm hòa vốn, phân tích chi phí – khối lượng – lợi nhuận, sử dụng thông tin để ra các quyết định về cơ cấu chi phí, giá bán, tổ chức quản trị bán hàng và kết quả kinh doanh.

32. Thực hành Kế toán tài chính 1 (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 1
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành kế toán tài chính 1 là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Nội dung chính của học phần là trang bị kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cho sinh viên ngành kế toán nhằm thực hiện nhiệm vụ kế toán các phần hành: Kế toán nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm thông qua việc lập, kiểm tra, luân chuyển chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết; ghi sổ kế toán tổng hợp và phản ánh các chỉ tiêu kinh tế trên vào Báo cáo tài chính.

33. Tiểu luận 1: Thu thập số liệu kế toán (Số TC: 2)

Phân bố thời gian học tập: 2(0, 60, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Thực hành kế toán tài chính 1,2
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tiểu luận 1 là học phần thực tập thuộc khối kiến thức chung ngành Kế toán. Sinh viên lựa chọn một doanh nghiệp đang hoạt động, đến kiến tập hoặc khai thác dữ liệu trực tuyến để viết báo cáo về tổ chức công tác kế toán và thu thập số liệu kế toán.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm về tổ chức bộ máy kế toán; tổ chức hệ thống thông tin kế toán; quy trình lập, kiểm tra, luân chuyển chứng từ kế toán; tổ chức kiểm tra kế toán và cách thức thu thập các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong một kỳ hạch toán tại doanh nghiệp.

34. Kế toán tài chính 2 (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 1
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán tài chính 2 là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chụi trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên của ngành về kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm; kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán; kế toán vốn chủ sở hữu và các quỹ của doanh nghiệp; kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận; Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.

35. Tin học ứng dụng kế toán (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Nguyên lý kế toán
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Tin học ứng dụng kế toán là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị những kiến thức về hệ thống thông tin kế toán các doanh nghiệp dựa trên cơ sở của công nghệ thông tin và chương trình phần mềm Microsoft Excel để xử lý số liệu kế toán. Qua những kiến thức được trang bị, giúp người học có những kiến thức kỹ thuật tính toán chuyên sâu ứng dụng phần mềm Microsoft Excel trong kế toán tài chính doanh nghiệp.

36. Kiểm toán căn bản (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 1
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần kiểm toán căn bản là học phần kiến thức chung ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về bản chất, chức năng, đối tượng và các loại hình kiểm toán; các khái niệm cơ bản trong kiểm toán; phương pháp, kỹ thuật và quy trình thực hiện một cuộc kiểm toán; tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán trong các loại hình kiểm toán khác nhau.

37. Thực hành Kế toán tài chính 2 (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Thực hành Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành kế toán tài chính 2 là học phần thuộc thực hành khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Học phần này được bố trí thực hiện sau học phần Kế toán tài chính 2 và Thực hành kế toán tài chính 1.

Nội dung chính của học phần là trang bị kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cho sinh viên nhằm hiện nhiệm vụ kế toán các phần hành kế toán các phần hành kế toán thành phẩm và tiêu thụ thành phẩm; kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán; kế toán nguồn vốn chủ sở hữu và các quỹ của doanh nghiệp; kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận thông qua việc lập, kiểm tra, luân chuyển chứng từ; ghi sổ kế toán chi tiết, ghi sổ kế toán tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

38. Kế toán quản trị 2 (Số TC: 3)

Phân bố thời gian học tập: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Kế toán quản trị 1
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán quản trị 2 là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên ngành kế toán về đặc điểm, phương pháp phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ cho các bộ phận chức năng, phân tích báo cáo bộ phận; trình tự và phương pháp lập dự toán; quá trình thu thập, xử lý thông tin để đưa ra các quyết định ngắn hạn, dài hạn; tổ chức ghi nhận và hạch toán chi phí theo hoạt động và cách thức đánh giá trách nhiệm của các trung tâm doanh thu, chi phí, lợi nhuận.

39. Thuế và kế toán thuế (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 2
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thuế và kế toán thuế là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo Đại học ngành Kế toán. Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho người học những nội dung cơ bản về các sắc thuế và kế toán các loại thuế: Thuế GTGT; Thuế TTĐB; Thuế xuất - nhập khẩu; Thuế thu nhập doanh nghiệp; Các loại thuế và phí khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

40. Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 2
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học chuyên ngành kế toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế; khuôn khổ của việc lập, trình bày báo cáo tài chính; tìm hiểu các chuẩn mực kế toán quốc tế có liên quan đến các chỉ tiêu trình bày trên báo cáo tài chính và các chuẩn mực báo cáo tài chính cụ thể.

41. Thực hành Thuế và kế toán thuế (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Thuế và kế toán thuế
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Thực hành Thuế và kế toán thuế là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo Đại học ngành Kế toán. Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho người học những nội dung cơ bản kiến thức và kỹ năng thực hành tính toán các sắc thuế và kế toán các loại thuế trong doanh doanh nghiệp như: Tính toán các loại thuế, Lập hóa đơn và các chứng từ tổng hợp cuối kì, Lập bảng tổng hợp chi tiết hàng tồn kho và bảng tổng hợp chi tiết công nợ, Ghi sổ kế toán tổng hợp, Lập bảng cân đối số phát sinh các tài khoản, Lập báo cáo tài chính, Lập hồ sơ khai báo thuế và quyết toán thuế.

42. Kế toán máy (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Tin học ứng dụng kế toán
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần kế toán máy là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức chung của chương trình đào tạo Đại học ngành kế toán.

Học phần trang bị các kiến thức, kĩ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cho sinh viên về các khái niệm cơ bản, hệ thống phần mềm kế toán, quy trình xử lý chung của một số phần mềm kế toán; giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường tiếp cận nhanh nhất và có thể sử dụng ngay được với phần mềm kế toán để xử lý các thông tin kế toán trong doanh nghiệp.

43. Phân tích báo cáo tài chính (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 2
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần phân tích báo cáo tài chính là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về phân tích báo cáo tài chính, đánh giá khái quát tình hình tài chính và phân tích các chỉ số tài chính, phân tích rủi ro tài chính và dự báo báo cáo tài chính.

44. Hành nghề kế toán kiểm toán (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Kiểm toán căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần hành nghề kế toán, kiểm toán là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về dịch vụ kế toán, kiểm toán trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu trình tự và phương pháp tổ chức công việc; trách nhiệm, quyền hạn của kế toán, kiểm toán với tư cách là một nghề trong hoạt động kinh doanh cũng như các quy định của nhà nước về quản lý và kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán, kiểm toán, đạo đức nghề nghiệp của kế toán, kiểm toán viên hành nghề.

45. Thực hành Phân tích báo cáo tài chính (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0,90,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Phân tích Báo cáo tài chính
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực hành phân tích báo cáo tài chính là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Học phần hướng dẫn sinh viên phân tích khái quát tình hình tài chính trên cơ sở số liệu báo cáo tài chính của doanh nghiệp đồng thời hướng dẫn sinh viên tính toán, phân tích các chỉ số tài chính cơ bản của doanh nghiệp cũng như dự báo chỉ tiêu tài chính cho doanh nghiệp từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực tài chính của doanh nghiệp.

Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng

Modun 1: Kế toán doanh nghiệp

46. Kế toán tài chính 3 (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 2
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán tài chính 3 là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán doanh nghiệp. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên của ngành về kế toán ngoại tệ; kế toán thanh toán nội bộ; kế toán phát hành trái phiếu, cổ phiếu; kế toán các hoạt động đầu tư và kế toán dự phòng tổn thất tài sản trong doanh nghiệp. Đồng thời học phần trang bị các nguyên tắc và phương pháp hợp nhất Báo cáo tài chính trong các tập đoàn, tổng công ty.

47. Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp (Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(0,60,60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Tiểu luận 1
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tiểu luận 2 là học phần thuộc khối kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành kế toán doanh nghiệp trong chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Trên cơ sở dữ liệu kế toán tại một doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng, xuất nhập khẩu, tập đoàn, tổng công ty và các giả định liên quan, sinh viên tiến hành xử lý số liệu kế toán phù hợp với hệ thống Luật, chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Sản phẩm cuối cùng là một báo cáo tiểu luận bao gồm 3 chương với các nội dung: Tổng quan về doanh nghiệp; thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp và một số kiến nghị về công tác kế toán tại doanh nghiệp.

48. Kế toán DNTMDV và KDXNK (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 3
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ và kinh doanh xuất nhập khẩu là là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại

học ngành kế toán doanh nghiệp. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên của ngành về kế toán hoạt động kinh doanh thương mại trong nước; kế toán hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ trong các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ và kinh doanh xuất nhập khẩu.

49. Kế toán DNXL và đơn vị chủ đầu tư (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 3
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán doanh nghiệp xây lắp và đơn vị chủ đầu tư là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Học phần này được thiết kế để cung cấp cho sinh viên những kiến thức sâu rộng về các quy trình kế toán đặc thù trong trong doanh nghiệp xây lắp và đơn vị chủ đầu tư. Đồng thời, học phần trang bị kỹ năng, năng lực tự chủ và phẩm chất đạo đức cần thiết cho một kế toán chuyên nghiệp.

Sau khi hoàn thành học phần này sinh viên có khả năng thực hiện các nhiệm vụ kế toán phức tạp trong môi trường doanh nghiệp xây lắp và và đơn vị chủ đầu tư, từ việc hạch toán tới việc xử lý các tình huống đặc thù của doanh nghiệp.

50. Thực tập cuối khóa (Số TC: 5)

- *Phân bố thời gian học tập*: 5(0,300,0)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Tiểu luận 2
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Thực tập cuối khóa chuyên ngành kế toán doanh nghiệp hướng dẫn sinh viên lựa chọn một doanh nghiệp: Doanh nghiệp sản xuất; doanh nghiệp thương mại, dịch vụ; doanh nghiệp xây lắp; doanh nghiệp sản xuất và thương mại, ... Tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại đơn vị thực tập trong một kỳ kế toán về tất cả các phần hành kế toán. Kết thúc thời gian thực tập, sinh viên phải viết báo cáo thực tập cuối khóa về công tác kế toán tại đơn vị thực tập (có dấu xác nhận của đơn vị thực tập).

Nội dung báo cáo thực tập cuối khóa gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về doanh nghiệp "X"

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp "X"

Chương 3: Một số kiến nghị về công tác kế toán tại doanh nghiệp "X"

51. Khóa luận tốt nghiệp (Số TC: 9)

- *Phân bố thời gian học tập*: 9(0,540,0)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 3
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành kế toán doanh nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán doanh nghiệp Học phần khóa luận tốt nghiệp trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, và vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề chuyên sâu của lĩnh vực kế toán trong các doanh nghiệp. Khi thực hiện khóa luận tốt nghiệp sinh viên sẽ được đề xuất đề tài hoặc được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn

khoa học. Sau thời gian thực hiện theo qui định, sinh viên sẽ nộp báo cáo khóa luận đã hoàn thành để được kiểm tra, đánh giá.

Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp

52. Kế toán doanh nghiệp sản xuất (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 3
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán doanh nghiệp sản xuất là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kế toán doanh nghiệp. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên của ngành kế toán doanh nghiệp về kế toán tập hợp chi phí sản xuất, kế toán tính giá thành sản phẩm và kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất có quy mô lớn; quy mô vừa, nhỏ và quy mô siêu nhỏ.

53. Thực hành kế toán doanh nghiệp (Số TC: 3)

Phân bố thời gian học tập: 3(0,90,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 3
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực hành kế toán doanh nghiệp là học phần thực tập chuyên ngành kế toán doanh nghiệp của chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Học phần này được bố trí thực hiện sau học phần Thực hành kế toán tài chính 1, 2 và các học phần kiến thức ngành.

Nội dung chính của học phần là thực hiện nhiệm vụ kế toán trong doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh với các quy mô khác nhau thông qua việc lập, kiểm tra, luân chuyển chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết; ghi sổ kế toán tổng hợp và lập Báo cáo tài chính.

54. Kế toán tập đoàn, tổng công ty (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 3
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán tập đoàn, tổng công ty là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên của ngành về tổ chức công tác kế toán trong tập đoàn, tổng công ty; hệ thống báo cáo tài chính trong tập đoàn kinh tế; kế toán các khoản đầu tư tài chính; kế toán hợp nhất kinh doanh; kế toán tái cấu trúc trong tập đoàn kinh tế.

Modun 2: Kế toán nhà hàng khách sạn

46. Kế toán nhà hàng (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán nhà hàng là học phần kiến thức chuyên sâu thuộc chuyên ngành kế toán nhà hàng, khách sạn của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị cho sinh viên các nội dung: Tổng quan về kế toán nhà hàng, Kế toán các yếu tố chi phí đầu vào trong hoạt động kinh doanh nhà hàng; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; Kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận; Báo cáo tài chính.

47. Tiểu luận 2- Chuyên ngành kế toán nhà hàng khách sạn (Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(0, 60, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Thực hành kế toán nhà hàng khách sạn
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tiểu luận 2 chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn hướng dẫn sinh viên tìm hiểu thực tế về một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng khách sạn. Sinh viên thu thập, xử lý số liệu kế toán; viết báo cáo về số liệu đã thu thập, xử lý và đề xuất cải tiến công tác kế toán tại doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng khách sạn đã tìm hiểu.

48. Kế toán khách sạn (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 2
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần kế toán khách sạn là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán, chuyên ngành kế toán nhà hàng khách sạn. Học phần trang bị cho sinh viên về kế toán các yếu tố cơ bản trong quá trình hoạt động kinh doanh khách sạn; kế toán chi phí, giá thành, doanh thu, xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp kinh doanh khách sạn.

49. Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 1 (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán nhà hàng
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 1 là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán chuyên ngành kế toán nhà hàng, khách sạn. Nội dung học phần bao gồm hai phần chính: Thực hành kế toán nhà hàng trên phần mềm Ipos ACC và thực hành kế toán khách sạn trên phần mềm Misa.

50. Thực tập cuối khóa (Số TC: 5)

- *Phân bố thời gian học tập*: 5 (0, 300, 0)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Tiểu luận 2
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thực tập cuối khóa chuyên ngành kế toán nhà hàng khách sạn hướng dẫn sinh viên lựa chọn một doanh nghiệp: nhà hàng hoặc khách sạn. Tìm

hiểu thực tế công tác kế toán tại đơn vị thực tập trong một kỳ kế toán về tất cả các phần hành kế toán. Kết thúc thời gian thực tập, sinh viên phải viết báo cáo thực tập cuối khóa về công tác kế toán tại đơn vị thực tập (có dấu xác nhận của đơn vị thực tập).

Nội dung báo cáo thực tập cuối khóa gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về doanh nghiệp "X"

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp "X"

Chương 3: Một số kiến nghị về công tác kế toán tại doanh nghiệp "X"

51. Khóa luận tốt nghiệp (Số TC: 9)

- *Phân bố thời gian học tập*: 9 (0, 540, 0)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Thực tập cuối khóa
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành kế toán nhà hàng khách sạn là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán nhà hàng khách sạn. Học phần khóa luận tốt nghiệp trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, và vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề chuyên sâu của lĩnh vực kế toán trong các doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng khách sạn. Khi thực hiện khóa luận tốt nghiệp sinh viên sẽ được đề xuất đề tài hoặc được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Sau thời gian thực hiện theo qui định, sinh viên sẽ nộp báo cáo khóa luận đã hoàn thành để được kiểm tra, đánh giá.

Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp

52. Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 2 (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Nguyên lý kế toán
- *Học phần học trước*: Kế toán khách sạn
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 2 là học phần thực hành chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán, chuyên ngành kế toán nhà hàng, khách sạn. Học phần này được bố trí thực hiện sau học phần kế toán khách sạn và các học phần kiến thức cơ sở. Nội dung chính của học phần là thực hiện nhiệm vụ lập báo cáo quản trị để đưa ra quyết định kinh doanh thông qua việc thực tập lập và phân tích chính sách bán hàng, chính sách sản phẩm của doanh nghiệp nhà hàng, khách sạn.

53. Kế toán doanh nghiệp sản xuất (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 3
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán doanh nghiệp sản xuất là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kế toán doanh nghiệp. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên của ngành kế toán doanh nghiệp về kế toán tập hợp chi phí sản xuất, kế toán tính giá thành sản phẩm và kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất có quy mô lớn; quy mô vừa, nhỏ và quy mô siêu nhỏ.

54. Kế toán tập đoàn, tổng công ty (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 3
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán tập đoàn, tổng công ty là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên của ngành về tổ chức công tác kế toán trong tập đoàn, tổng công ty; hệ thống báo cáo tài chính trong tập đoàn kinh tế; kế toán các khoản đầu tư tài chính; kế toán hợp nhất kinh doanh; kế toán tái cấu trúc trong tập đoàn kinh tế.

Modun 3: Kế toán công

46. Kế toán hành chính sự nghiệp (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 2
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán hành chính sự nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị những kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên của ngành về kế toán vốn bằng tiền, vật tư, sản phẩm, hàng hóa, tài sản cố định, kế toán thanh toán, kế toán nguồn kinh phí và các khoản thu, chi và lập báo cáo tài chính trong đơn vị hành chính sự nghiệp.

47. Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán công (Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(0, 120, 0)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán hành chính sự nghiệp
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Nội dung học phần tiểu luận 2 chuyên ngành Kế toán công hướng dẫn sinh viên tìm hiểu thực tế về đặc điểm hoạt động, đặc điểm tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán, thu thập số liệu kế toán và xử lý số liệu kế toán tại một đơn vị hành chính sự nghiệp. Sản phẩm cuối cùng là báo cáo tiểu luận 2 với các thông tin chung về đơn vị hành chính sự nghiệp, bộ chứng từ kế toán, Sổ kế toán chi tiết, Sổ kế toán tổng hợp và Báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính theo đúng mẫu biểu quy định hiện hành của Bộ tài chính

48. Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán hành chính sự nghiệp
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán Ngân sách và nghiệp vụ kho bạc là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành kinh tế. Học phần trang bị những kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên về các phần hành kế toán vốn bằng tiền, kế toán dự toán chi ngân sách nhà nước, kế toán thu – chi ngân

sách nhà nước, kế toán vay nợ và trả nợ vay, các báo cáo tài chính ngân sách nhà nước tại kho bạc nhà nước.

49. Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán hành chính sự nghiệp
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Nội dung chính của học phần là trang bị kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cho sinh viên ngành kế toán nhằm thực hiện nhiệm vụ các phần hành kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp như: Kế toán vốn bằng tiền, vật tư, sản phẩm, hàng hóa, tài sản cố định; Kế toán các khoản thanh toán; Kế toán nguồn kinh phí và các khoản thu chi; Kế toán lập báo cáo tài chính và quyết toán thông qua việc lập, kiểm tra, luân chuyển chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết; ghi sổ kế toán tổng hợp.

50. Thực tập cuối khóa (Số TC: 5)

- *Phân bố thời gian học tập*: 5(0, 300, 0)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Tiểu luận 2
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Thực tập cuối khóa chuyên ngành Kế toán công bao gồm các nội dung cơ bản sau:

✓ Sinh viên lựa chọn một đơn vị hành chính sự nghiệp, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại đơn vị thực tập trong một kỳ kế toán về tất cả các phần hành kế toán liên quan. Kết thúc thời gian thực tập, sinh viên phải viết báo cáo thực tập cuối khóa về công tác kế toán tại đơn vị thực tập (có dấu xác nhận của đơn vị thực tập).

✓ Nội dung báo cáo thực tập cuối khóa gồm:

- Tổng quan về đơn vị hành chính sự nghiệp "X"
- Thực trạng công tác kế toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp X
- Một số kiến nghị về công tác kế toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp "X"

51. Khóa luận tốt nghiệp (Số TC: 9)

- *Phân bố thời gian học tập*: 9(0, 540, 0)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Thực tập cuối khóa
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần khóa luận tốt nghiệp trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, và vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề chuyên sâu trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp.

Học phần này yêu cầu sinh viên thực hiện một đề tài nghiên cứu có nội dung liên quan đến các kiến thức chuyên ngành kế toán công. Khi thực hiện khóa luận tốt nghiệp sinh viên sẽ được đề xuất đề tài hoặc được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Sau thời gian thực hiện theo qui định sinh viên sẽ nộp báo cáo khóa luận đã hoàn thành để được kiểm tra, đánh giá.

Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp

52. Thực hành Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực hành kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Nội dung của học phần là trang bị kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cho sinh viên ngành kế toán nhằm thực hiện nhiệm vụ kế toán các phần hành: Kế toán vốn bằng tiền; kế toán thu ngân sách nhà nước; kế toán dự toán chi ngân sách nhà nước; kế toán chi ngân sách nhà nước; kế toán vay nợ và trả nợ vay qua việc lập, kiểm tra, luân chuyển chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết; ghi sổ kế toán tổng hợp.

53. Kế toán ngân sách và tài chính xã (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Tiểu luận 2
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán ngân sách và tài chính xã là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên của ngành về kế toán các hoạt động liên quan đến ngân sách và tài chính xã, qui trình xử lý các hoạt động kinh tế tài chính liên quan đến ngân sách xã.

54. Chuẩn mực kế toán công (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán hành chính sự nghiệp
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần chuẩn mực kế toán công là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức mang tính hệ thống về hệ thống chuẩn mực kế toán công Việt Nam. Từ đó giúp học viên có thể nghiên cứu, hiểu được quy trình xây dựng, nội dung của hệ thống chuẩn mực kế toán công Việt Nam, trên cơ sở đó thực hiện tổ chức kế toán, qui trình hạch toán, xử lý các nghiệp vụ phát sinh tại các đơn vị công theo đúng qui định.

Modul 4: Kế toán kiểm toán

46. Kiểm toán Báo cáo tài chính (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kiểm toán căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kiểm toán báo cáo tài chính là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong kiểm toán báo cáo tài chính về khái niệm, mục tiêu, đối tượng kiểm toán

báo cáo tài chính và các phương pháp sử dụng trong iểm toán báo cáo tài chính, trình tự tiến hành một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính. Trên cơ sở đó tiếp tục trang bị cho người học kiến thức về lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán các phần hành cơ bản trên báo cáo tài chính và tổng hợp đưa ra kết luận, lập và phát hành báo cáo kiểm toán.

47. Tiểu luận 2 – Chuyên ngành Kế toán kiểm toán (Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(0, 60, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kiểm toán báo cáo tài chính
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tiểu luận 2 – Chuyên ngành kế toán kiểm toán là học phần thực tập thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành kế toán. Sinh viên lựa chọn một doanh nghiệp kiểm toán đang hoạt động, tìm hiểu để viết báo cáo về tổ chức công tác kiểm toán báo cáo tài chính, tổ chức thực hiện kiểm toán một phần hành/chu trình và tổng hợp, lập báo cáo kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính tại các khách hàng của công ty kiểm toán.

48. Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kiểm toán báo cáo tài chính
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về: Kiểm toán chu trình huy động và hoàn trả vốn; Kiểm toán chu trình xác định và phân phối kết quả; Kiểm toán thuế; Kiểm toán chi phí phải trả, chi phí trả trước; Kiểm toán các khoản phải thu – phải trả nội bộ, phải thu – phải trả khác; Các vấn đề chuyên sâu khác trong kiểm toán báo cáo tài chính.

49. Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kiểm toán báo cáo tài chính
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực hành Kiểm toán báo cáo tài chính là học phần thực tập chuyên ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần được đưa vào giảng dạy sau khi học xong học phần Kiểm toán báo cáo tài chính. Nội dung chính của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết của một trợ lý kiểm toán trong giai đoạn khởi đầu của nghề nghiệp kiểm toán, thông qua việc lập kế hoạch kiểm toán, tiến hành các thủ tục kiểm toán các phần hành cơ bản theo hồ sơ kiểm toán mẫu, tổng hợp và đưa ra kết luận kiểm toán.

50. Thực tập cuối khóa (Số TC: 5)

- *Phân bố thời gian học tập*: 5(0, 300, 0)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Tiểu luận 2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực tập cuối khóa là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành kế toán. Sinh viên lựa chọn đến thực tập tại một doanh nghiệp kiểm toán đang hoạt động trong thực tế từ đó tìm hiểu về thực trạng tổ chức công tác kiểm toán báo cáo tài chính của doanh nghiệp đó thể hiện qua quy trình lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán 01 phần hành hoặc 01 chu trình kiểm toán, lập báo cáo kiểm toán, tổ chức hồ sơ kiểm toán và kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán thực tế từ đó đánh giá được tổ chức công tác kiểm toán tại doanh nghiệp kiểm toán và đề xuất các giải pháp phù hợp. Sản phẩm hoàn thành cuối cùng của sinh viên là báo cáo thực tập tốt nghiệp được trình bày theo đúng các yêu cầu về nội dung và hình thức quy định của học phần.

51. Khóa luận tốt nghiệp (Số TC: 9)

- *Phân bố thời gian học tập*: 9(0, 540, 0)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Thực tập cuối khóa
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Khóa luận tốt nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành kế toán. Trên cơ sở kiến thức về kế toán kiểm toán đã được đào tạo tại trường, sinh viên sẽ hệ thống hóa lý thuyết cũng như vận dụng kiến thức đã học để phân tích, đánh giá các vấn đề về kế toán kiểm toán tại các đơn vị, doanh nghiệp từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp. Sản phẩm hoàn thành cuối cùng của sinh viên là báo cáo khóa luận tốt nghiệp của các đề tài nghiên cứu được trình bày theo đúng các yêu cầu về nội dung và hình thức quy định của Nhà trường.

Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp

52. Kiểm toán hoạt động (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kiểm toán căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần kiểm toán hoạt động là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về loại hình kiểm toán hoạt động và ứng dụng vào kiểm toán các hoạt động chủ yếu của một tổ chức và kiểm toán hoạt động ngân sách nhà nước. Học phần đề cập đến nội dung kiểm toán các hoạt động chủ yếu của một tổ chức nhằm đánh giá 3 mục tiêu chính: Tính hiệu lực, tính kinh tế, tính hiệu quả của các hoạt động, trên cơ sở đó giúp các đơn vị quản lý và sử dụng tốt nhất các nguồn lực của đơn vị và đạt được các mục tiêu mà đơn vị đã đề ra

53. Kiểm toán nội bộ (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kiểm toán căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kiểm toán nội bộ là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên của ngành về hoạt động

đảm bảo và tư vấn một cách độc lập, khách quan của kiểm toán nội bộ để hỗ trợ doanh nghiệp đạt được các mục tiêu về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và quản trị doanh nghiệp.

54. Kiểm soát nội bộ (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Nguyên lý kế toán
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kiểm soát nội bộ là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, đối tượng, phương pháp của kiểm soát nội bộ. Ngoài ra, học phần cũng trang bị các kiến thức về việc thực hiện quá trình kiểm soát nội bộ trong các chu trình cụ thể như: chu trình mua hàng và thanh toán, chu trình bán hàng và thu tiền, chu trình nhân sự và tiền lương cũng như kiểm soát nội bộ tài sản cố định và tiền trong doanh nghiệp. Trên cơ sở các kiến thức cơ bản về kiểm soát nội đã được trang bị sinh viên có thể thực hiện thiết lập các thủ tục, trình tự kiểm soát nội bộ đối với các các hoạt động cũng như tài sản mà doanh nghiệp quản lý.

14. Hướng dẫn thực hiện

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

  - Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
  - Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
  - Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

+ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc Ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Và các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên.

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

15. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo

Định kỳ tối thiểu 2 năm một lần, Trưởng khoa quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh cập nhật.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 Năm 2024

TRƯỞNG KHOA	**HIỆU TRƯỞNG**
(Đã ký)	(Đã ký)
TS. Phạm Thị Lụa	**TS. Trần Hoàng Long**

Phụ lục 1: Trình tự giảng dạy chủ đề chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
PLO1	Áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	Triết học Mác-Lênin	2	CLO1, CLO2
		Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3	CLO1
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	CLO1, CLO2
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CLO1, CLO2
		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CLO1, CLO2, CLO3
		Pháp luật đại cương	3	CLO1, CLO2, CLO3
		Xác suất thống kê	2	CLO1, CLO2
		Toán ứng dụng trong kinh tế	3	CLO1
		Kỹ năng nhận thức bản thân	2	CLO1, CLO2, CLO3
		Kỹ năng Phỏng vấn xin việc	3	CLO1, CLO2, CLO3
PLO2	Áp dụng kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế vào lĩnh vực nghề nghiệp trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3	CLO2, CLO3
		Toán ứng dụng trong kinh tế	2	CLO2
		Kỹ năng nghề nghiệp - Kế toán	2	CLO1, CLO2
		Kinh tế vi mô	2	CLO1, CLO2

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
		Kinh tế vĩ mô	3	CLO1, CLO2
		Nguyên lý thống kê	2	CLO1, CLO2
		Quản trị doanh nghiệp	3	CLO1, CLO2, CLO3
		Pháp luật kinh tế	2	CLO1, CLO2, CLO3
		Tài chính - tiền tệ	2	CLO1, CLO2
		Tài chính doanh nghiệp	3	CLO1, CLO2
		Nguyên lý kế toán	2	CLO1, CLO2
PLO3	Áp dụng hiệu quả các kiến thức chung của ngành kế toán trong thực hiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị	Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực KT Việt Nam	2	CLO1, CLO2
		Hệ thống thông tin kế toán	2	CLO1
		Kế toán tài chính 1	2	CLO1
		Kế toán quản trị 1	2	CLO1
		Thực hành Kế toán tài chính 1	2	CLO1
		Tiểu luận 1: Thu thập số liệu kế toán	3	CLO1, CLO2
		Kế toán tài chính 2	3	CLO1, CLO2
		Tin học ứng dụng kế toán	3	CLO1, CLO2

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
		Thực hành Kế toán tài chính 2	3	CLO1
		Kế toán quản trị 2	3	CLO1
		Thuế và Kế toán thuế	3	CLO1
		Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	3	CLO1, CLO2
		Thực hành Thuế và Kế toán thuế	3	CLO1
		Kế toán máy	3	CLO1
		Phân tích báo cáo tài chính	3	CLO2
		Hành nghề kế toán kiểm toán	3	CLO1
PLO4	Phân tích dữ liệu kế toán, nghiên cứu cải tiến các hoạt động kế toán một cách có hiệu quả	Hệ thống thông tin kế toán	2	CLO2
		Kế toán quản trị 1	2	CLO2
		Kiểm toán căn bản	3	CLO1, CLO2
		Kế toán quản trị 2	3	CLO2
		Phân tích báo cáo tài chính	4	CLO1
		Thực hành Phân tích BCTC	4	CLO1, CLO2
PLO5a	Modul 1: Kế toán doanh nghiệp	Kế toán tài chính 3	3	CLO1, CLO2
		Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán	3	CLO1

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
	Nhận dạng đặc thù của các loại hình doanh nghiệp để thực hiện và nghiên cứu cải tiến công tác kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp thương mại, doanh nghiệp dịch vụ, doanh nghiệp xây dựng, doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, tập đoàn, tổng công ty.	DN		
		Kế toán DN TMDV và KDXNK	4	CLO1, CLO2
		Kế toán DNXL và đơn vị chủ đầu tư	4	CLO1, CLO2
		Thực tập cuối khóa	4	CLO1
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán	4	CLO1
		Kế toán doanh nghiệp sản xuất	4	CLO1, CLO2
		Thực hành Kế toán doanh nghiệp	4	CLO1
		Kế toán tập đoàn - Tổng công ty	4	CLO1, CLO2
PLO5b	Modul 2: Kế toán nhà hàng khách sạn Nhận dạng đặc thù của các loại dịch vụ để thực hiện và nghiên cứu cải tiến công tác kế toán của doanh nghiệp kinh doanh ẩm thực, dịch vụ ăn uống, dịch vụ lưu trú và các dịch vụ khác trong nhà	Kế toán nhà hàng	3	CLO1, CLO2
		Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn	3	CLO1
		Kế toán khách sạn	4	CLO1, CLO2
		Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 1	4	CLO1, CLO2
		Thực tập cuối khóa	4	CLO1
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán	4	CLO1

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
	hàng, khách sạn.	Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 2	4	CLO1, CLO2
		Kế toán doanh nghiệp sản xuất	4	CLO1, CLO2
		Kế toán tập đoàn - Tổng công ty	4	CLO1, CLO2
PLO5c	Modul 3: Kế toán công Nhận dạng đặc thù của các đơn vị sự nghiệp công để thực hiện và nghiên cứu cải tiến công tác kế toán.	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	CLO1, CLO2
		Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán công	3	CLO1, CLO2
		Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	4	CLO1, CLO2
		Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp	4	CLO1
		Thực tập cuối khóa	4	CLO1
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán	4	CLO1
		Thực hành Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	4	CLO1
		Kế toán ngân sách và tài chính xã	4	CLO1

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
		Chuẩn mực kế toán công	4	CLO1, CLO2
PLO5d	Modul 3: Kế toán kiểm toán Nhận dạng các loại hình kiểm toán để thực hiện và cải tiến công tác kế toán, kiểm toán trong các doanh nghiệp, đơn vị.	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	CLO1, CLO2
		Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán kiểm toán	3	CLO1
		Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	4	CLO1, CLO2
		Thực hành Kiểm toán BCTC	4	CLO1
		Thực Tập Cuối Khóa	4	CLO1
		Khóa luận tốt nghiệp	4	CLO1
		Kiểm toán hoạt động	4	CLO1, CLO2
		Kiểm toán nội bộ	4	CLO1, CLO2
		Kiểm soát nội bộ	4	CLO1, CLO2
PLO6	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp và làm việc nhóm trong công việc chuyên môn.	Xác suất thống kê	2	CLO3, CLO4
		Toán ứng dụng trong kinh tế	2	CLO3, CLO4
		Kỹ năng nghề nghiệp - Kế toán	2	CLO3
		Tài chính doanh nghiệp	2	CLO3
		Nguyên lý kế toán	2	CLO3

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
		Thực hành Kế toán tài chính 1	2	CLO2
		Tiểu luận 1: Thu thập số liệu kế toán	2	CLO3
		Thực hành Kế toán tài chính 2	3	CLO2, CLO3
		Thực hành Phân tích BCTC	3	CLO3
		Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán DN	3	CLO2, CLO4
		Thực tập cuối khóa (modul 1)	3	CLO3
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán (modul 1)	3	CLO3
		Thực hành Kế toán doanh nghiệp	3	CLO2, CLO4
		Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn	3	CLO2
		Thực tập cuối khóa (modul 2)	3	CLO3
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán (modul 2)	3	CLO3
		Kế toán doanh nghiệp sản xuất	3	CLO3
		Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán công	3	CLO3
		Thực tập cuối khóa (modul 3)	3	CLO3

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán (modul 3)	3	CLO3
		Kế toán ngân sách và tài chính xã	3	CLO2
		Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán kiểm toán	3	CLO3
		Thực tập cuối khóa (modul 4)	3	CLO3
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán (modul 4)	3	CLO3
		Kiểm toán nội bộ	3	CLO3
PLO7	Sử dụng tiếng Anh thành thạo ở mức B1 để giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc của đơn vị	Tiếng Anh 1	2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
		Tiếng Anh 2	2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
		Tiếng Anh 3	3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
		Tiếng Anh 4	3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
PLO8	Sử dụng được tư duy phản biện, ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp để phát triển sự nghiệp	Triết học Mác – Lê nin	2	CLO3
		Kinh tế chính trị mác Lê Nin	2	CLO4
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	CLO3
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CLO3

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CLO4
		Pháp luật đại cương	2	CLO4
		Kỹ năng nhận thức bản thân	2	CLO4
		Kỹ năng nghề nghiệp - Kế toán	3	CLO4
		Kỹ năng Phỏng vấn xin việc	2	CLO4
		Kiểm toán căn bản	3	CL03
		Hành nghề kế toán kiểm toán	3	CLO2
PLO9	Ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ trong công việc chuyên môn kế toán	Tin học ứng dụng kế toán	2	CLO3
		Thực hành Thuế và Kế toán thuế	3	CLO2
		Kế toán máy	3	CLO2
		Thực hành Phân tích BCTC	3	CLO4
PLO10	Vận dụng chính xác các kiến thức chung về kế toán, phân tích báo cáo tài chính, thuế trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị	Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực KT Việt Nam	2	CLO3
		Hệ thống thông tin kế toán	2	CLO3
		Kế toán tài chính 1	2	CLO2
		Kế toán quản trị 1	3	CLO3

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
		Thực hành Kế toán tài chính 1	2	CLO3
		Kế toán tài chính 2	3	CLO3
		Tin học ứng dụng kế toán	3	CLO4
		Thực hành Kế toán tài chính 2	3	CLO4
		Kế toán quản trị 2	3	CLO3
		Thuế và Kế toán thuế	3	CLO2
		Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	3	CLO3
		Thực hành Thuế và Kế toán thuế	3	CLO3
		Phân tích báo cáo tài chính	3	CLO3
PLO11a	Modul 1: Kế toán doanh nghiệp Thực hiện đầy đủ quy trình kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng, xuất nhập khẩu, tập đoàn, tổng công ty.	Kế toán tài chính 3	2	CLO3
		Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán DN	3	CLO3
		Kế toán DN TMDV và KDXNK	3	CLO3
		Kế toán DNXL và đơn vị chủ đầu tư	3	CLO3
		Thực tập cuối khóa	3	CLO2

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán	3	CLO2
		Kế toán doanh nghiệp sản xuất	3	CLO3
		Thực hành Kế toán doanh nghiệp	3	CLO3
		Kế toán tập đoàn - Tổng công ty	3	CLO3
PLO11b	Modul 2: Kế toán nhà hàng khách sạn Thực hiện đầy đủ quy trình kế toán tại các doanh nghiệp kinh doanh ẩm thực, dịch vụ ăn uống, dịch vụ lưu trú và các dịch vụ khác thường có trong nhà hàng, khách sạn.	Kế toán nhà hàng	2	CLO3
		Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn	3	CLO3
		Kế toán khách sạn	3	CLO3
		Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 1	3	CLO3, CLO4
		Thực tập cuối khóa	3	CLO2
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán	3	CLO2
		Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 2	3	CLO3, CLO4
		Kế toán doanh nghiệp sản xuất	3	CLO4
		Kế toán tập đoàn - Tổng công ty	3	CLO3
PLO11c	Modul 3: Kế toán công	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	CLO3

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
	Thực hiện đầy đủ quy trình kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập.	Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán công	3	CLO4
		Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	3	CLO3
		Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp	3	CLO2, CLO3
		Thực tập cuối khóa	3	CLO2
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán	3	CLO2
		Thực hành Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	3	CLO2, CLO3, CLO4
		Kế toán ngân sách và tài chính xã	3	CLO3
		Chuẩn mực kế toán công	3	CLO3
PLO11d	Modul 4: Kế toán kiểm toán Thực hiện đầy đủ quy trình kiểm toán trong các doanh nghiệp, đơn vị.	Kiểm toán báo cáo tài chính	2	CLO3
		Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán kiểm toán	3	CLO2
		Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	3	CLO3
		Thực hành Kiểm toán BCTC	3	CLO2, CLO3, CLO4

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
		Thực Tập Cuối Khóa	3	CLO2
		Khóa luận tốt nghiệp	3	CLO2
		Kiểm toán hoạt động	3	CLO3
		Kiểm toán nội bộ	3	CLO4
		Kiểm soát nội bộ	3	CLO3, CLO4
PLO12	Chứng minh được khả năng làm việc độc lập và quản lý công việc hiệu quả	Toán ứng dụng trong kinh tế	2	CLO5
		Kỹ năng nghề nghiệp - Kế toán	3	CLO5
		Kinh tế vĩ mô	2	CLO3
		Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực KT Việt Nam	2	CLO4
		Hệ thống thông tin kế toán	2	CLO4
		Thực hành Kế toán tài chính 1	2	CLO4
		Thực hành Kế toán tài chính 2	3	CLO5
		Kế toán quản trị 2	3	CLO4
		Thực hành Thuế và Kế toán thuế	3	CLO4
		Phân tích báo cáo tài chính	3	CLO4

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
		Thực hành Phân tích BCTC	3	CLO5
		Thực tập cuối khóa (modul 1)	3	CLO4
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán (modul 1)	3	CLO4
		Thực tập cuối khóa (modul 2)	3	CLO4
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán (modul 2)	3	CLO4
		Thực tập cuối khóa (modul 3)	3	CLO4
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán (modul 3)	3	CLO4
		Thực tập cuối khóa (modul 4)	3	CLO4
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán (modul 4)	3	CLO4
PLO13	Chứng minh được khả năng tự học và học tập suốt đời, liên tục cập nhật và vận dung kiến thức mới để phát triển sự nghiệp.	Triết học Mác-Lênin	2	CLO4
		Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	CLO5
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	CLO4
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CLO4

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CLO5
		Xác suất thống kê	2	CLO5
		Kỹ năng nghề nghiệp - Kế toán	2	CLO6
		Kinh tế vi mô	2	CLO3
		Quản trị doanh nghiệp	2	CLO4
		Tài chính - tiền tệ	2	CLO3
		Tài chính doanh nghiệp	2	CLO4
		Nguyên lý kế toán	2	CLO4
		Kế toán tài chính 1	2	CLO3
		Kế toán quản trị 1	2	CLO4
		Tiểu luận 1: Thu thập số liệu kế toán	2	CLO4
		Kế toán tài chính 2	3	CLO4
		Tin học ứng dụng kế toán	3	CLO5
		Thuế và Kế toán thuế	3	CLO3
		Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	3	CLO4
		Kế toán máy	3	CLO3

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
		Kế toán tài chính 3	3	CLO4
		Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán DN	3	CLO5
		Kế toán DN TMDV và KDXNK	3	CLO4
		Kế toán DNXL và đơn vị chủ đầu tư	3	CLO4
		Thực tập cuối khóa (modul 1)	3	CLO5
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán (modul 1)	3	CLO5
		Kế toán doanh nghiệp sản xuất	3	CLO4
		Kế toán tập đoàn - Tổng công ty	3	CLO4
		Kế toán nhà hàng	3	CLO4
		Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn	3	CLO4
		Kế toán khách sạn	3	CLO4
		Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 1	3	CLO5
		Thực tập cuối khóa (modul 2)	3	CLO5

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán (modul 2)	3	CLO5
		Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 2	3	CLO5
		Kế toán tập đoàn - Tổng công ty	3	CLO4
		Kế toán hành chính sự nghiệp	3	CLO4
		Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán công	3	CLO5
		Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	3	CLO4
		Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp	3	CLO4
		Thực tập cuối khóa (modul 3)	3	CLO5
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán (modul 3)	3	CLO5
		Thực hành Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	3	CLO5
		Chuẩn mực kế toán công	3	CLO4

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
		Kiểm toán báo cáo tài chính	3	CLO4
		Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán kiểm toán	3	CLO4
		Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	3	CLO4
		Thực hành Kiểm toán BCTC	3	CLO5
		Thực tập cuối khóa (modul 4)	3	CLO5
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán (modul 4)	3	CLO5
		Kiểm toán hoạt động	3	CLO4
		Kiểm soát nội bộ	3	CLO5
PLO14	Thích ứng với những yêu cầu về trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán.	Nguyên lý thống kê	2	CLO3
		Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực KT Việt Nam	2	CLO5
		Kiểm toán căn bản	2	CLO4
		Hành nghề kế toán kiểm toán	3	CLO3
		Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán DN	3	CLO6
		Thực tập cuối khóa (modul 1)	3	CLO6

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán (modul 1)	3	CLO6
		Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn	3	CLO5
		Thực tập cuối khóa (modul 2)	3	CLO6
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán (modul 2)	3	CLO6
		Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán công	3	CLO6
		Thực tập cuối khóa (modul 3)	3	CLO6
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán (modul 3)	3	CLO6
		Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán kiểm toán	3	CLO5
		Thực tập cuối khóa (modul 4)	3	CLO6
		Khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán (modul 4)	3	CLO6

Phụ lục 2: Công cụ, tiêu chí đánh giá (rubric)

Rubric 1: Đánh giá điểm chuyên cần tham gia lớp học

Tiêu chí	Xuất sắc 10 điểm	Tốt 8.0 điểm	Khá 6.0 điểm	Trung bình 4.0 điểm	Kém 2.0 điểm	Yếu 0 điểm
Thời gian tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình	Nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 10% trở lên đến dưới 20% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 20% trở lên đến dưới 35% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 35% trở lên đến dưới 50% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 50% trở lên số tiết trong chương trình

Rubric 2a. Đánh giá bài tập thực hành trên máy tính

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Mức độ thực hiện yêu cầu	20	Trình bày ≥ 85% nội dung yêu cầu	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu, 65-84% tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày nội dung yêu cầu từ 40-64% tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày nội dung quá sơ sài, không cung cấp các thông tin cần thiết
Thực hiện các bước xử lý dữ liệu	40	Thực hiện đúng, chính xác các bước xử lý số liệu kế toán trên phần mềm Excel	Thực hiện đúng các bước xử lý số liệu kế toán trên phần mềm Excel nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện chưa đúng các bước xử lý số liệu kế toán trên phần mềm Excel, số liệu xử lý chưa chính xác	Không biết xử lý số liệu kế toán trên phần mềm Excel
	30	Kết quả đúng	Kết quả có sai sót, ít ảnh hưởng	Kết quả sai sót ảnh hưởng nhiều (tuỳ mức độ)	Sai kết quả hoàn toàn do sai phương pháp
Hình thức trình bày	10	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán

Rubric 2b: Đánh giá bài tập về dự báo báo cáo tài chính

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thu thập dữ liệu dự báo	10	Thu thập đầy đủ dữ liệu dự báo trong 4 năm gần nhất so với hiện tại có bổ sung thêm được các dữ liệu về điều kiện kinh tế xã hội, xu hướng chung của ngành nghề kinh doanh của DN.	Thu thập đầy đủ dữ liệu dự báo trong 4 năm gần nhất so với hiện tại	Thu thập đầy đủ dữ liệu dự báo trong 3 năm gần nhất so với hiện tại	Không thu thập được dữ liệu phục vụ dự báo (0 đ)
Phương pháp dự báo	20	Đúng phương pháp	Đúng phương pháp nhưng còn một vài sai sót nhỏ.	Đúng phương pháp nhưng chưa đến kết quả	Sai phương pháp (0 đ)
Lập luận	40	Lập luận có căn cứ khoa học vững chắc	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn 1 vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn sai sót quan trọng (tuỳ mức độ: 2.0-1.0 đ)	Phạm hơn 1 sai sót quan trọng/Không biết lập luận khoa học (0 đ)
Kết quả	20	Kết quả đúng	Kết quả có sai sót, ít ảnh hưởng	Kết quả sai sót ảnh hưởng nhiều (tuỳ mức độ: 1.0-0.5 đ)	Sai kết quả hoàn toàn do sai phương pháp (0đ)
Trình bày	10	Cẩn thận, rõ ràng	Khá cẩn thận, vài chỗ chưa rõ ràng	Tương đối cẩn thận, nhiều chỗ chưa rõ ràng	Cẩu thả và chưa rõ ràng (0đ)

Rubric 3a: Đánh giá Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham gia	20	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thảo luận	40	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Rubic 3b: Đánh giá làm việc nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham gia	10	Tích cực kết nối các thành viên trong nhóm	Kết nối tốt với thành viên khác	Có kết nối nhưng đôi khi còn lơ là, phải nhắc nhỡ	Không kết nối
Ý kiến đóng góp	10	Sáng tạo/rất hữu ích	Hữu ích	Tương đối hữu ích	Không hữu ích
Thời gian giao nộp sản phẩm	5	Đúng hạn	Trễ ít, không gây ảnh hưởng đến chất lượng chung	Trễ nhiều, có gây ảnh hưởng đến chất lượng chung nhưng có thể khắc phục	Không nộp/Trễ gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng chung, không thể khắc phục
Chất lượng sản phẩm giao nộp	40	Sáng tạo/Đáp ứng tốt yêu cầu của nhóm	Đáp ứng khá tốt yêu cầu của nhóm	Đáp ứng một phần yêu cầu của nhóm, có điều chỉnh theo góp ý	Không sử dụng được
Kỹ năng thuyết trình	35	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng

Rubric 4a: Đánh giá bài thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Trả lời vấn đáp các yêu cầu của bài thực hành	30	Giải thích đúng các yêu cầu	Giải thích đúng các yêu cầu	Giải thích đúng nhưng vẫn còn sai sót nhỏ	Giải thích không rõ ràng
Kết quả thực hành	65	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu
Báo cáo thực hành	5	Đúng form mẫu	Điểm tuỳ theo mức độ đáp ứng		

Rubric 4b: Đánh giá báo cáo tiểu luận

Tiêu chí		Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Cấu trúc		05	Đúng theo quy định, sắp xếp hợp lý	Đúng theo quy định, sắp xếp khá hợp lý	Tương đối theo quy định, sắp xếp tương đối hợp lý	Không theo quy định, sắp xếp thiếu hợp lý
Nội dung	Vấn đáp các yêu cầu của bài tiểu luận	30	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi và giải thích được phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa giải thích được phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi
	Kết quả các nội	55	Kết quả thực hiện đầy	Kết quả thực hiện đầy đủ,	Kết quả thực hiện đầy đủ và	Kết quả thực hiện

	trong báo cáo		đủ, rõ ràng, xử lý được các tình huống đặt ra và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	rõ ràng và xử lý khá tốt tình huống đặt ra, còn sai sót nhỏ	đáp ứng tương đối tình huống đặt ra, có một số sai sót quan trọng	không đầy đủ/Không đáp ứng được tình huống đặt ra
	Lập luận	05	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	Không chặt chẽ, logic
Hình thức trình bày		05	Nhất quán về format và không có lỗi chính tả trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format và chính tả	Vài chỗ format không nhất quán, lỗi chính tả khá nhiều	Rất nhiều chỗ không nhất quán và sai chính tả

Rubric 5: Đánh giá báo cáo thực tập cuối khóa

Tiêu chí		**Trọng số %**	**Tốt** **8.5 – 10 điểm**	**Khá** **6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình** **4.0 – 6.4 điểm**	**Kém** **0 – 3.9 điểm**
Nội dung báo cáo		90	Trình bày rõ ràng, đầy đủ, trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận chặt chẽ, logic	Trình bày khá rõ ràng, khá đầy đủ, khá trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận khá chặt chẽ, khá logic	Trình bày tương đối rõ ràng, tương đối đầy đủ, tương đối trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận tương đối chặt chẽ, tương đối logic	Trình bày chưa rõ ràng, chưa đầy đủ, chưa trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận chưa chặt chẽ, chưa logic
Hình thức trình	Format	05	Nhất quán về	Vài sai sót nhỏ về	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất

bày (font chữ, căn lề, fomat…)			format trong toàn bài	format		quán
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing cẩu thả

Rubric 6a: Đánh giá khóa luận tốt nghiệp (Giảng viên hướng dẫn)

Tiêu chí		**Trọng số %**	**Tốt** **8.5 – 10 điểm**	**Khá** **6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình** **4.0 – 6.4 điểm**	**Kém** **0 – 3.9 điểm**
Cấu trúc		05	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý
Nội dung	Nêu vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu phù hợp được viết khoa học, rõ ràng	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vị, phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu phù hợp nhưng chưa được viết khoa học, rõ ràng.	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu chưa phù hợp.
	Nền tảng lý	20	Trình bày quan điểm lý thuyết	Trình bày quan điểm lý	Trình bày quan điểm lý	Trình bày chưa

	thuyết		phù hợp. Kết luận được nội dung cốt lõi của vấn đề nghiên cứu.	thuyết khá phù hợp. Kết luận được nội dung cốt lõi của vấn đề nghiên cứu	thuyết tương đối phù hợp. Kết luận được nội dung cốt lõi của vấn đề nghiên cứu	rõ quan điểm lý thuyết phù hợp. Không kết luận được nội dung cốt lõi của vấn đề nghiên cứu
	Nghiên cứu thực trạng	30	Trình bày rõ ràng, đầy đủ về thực trạng nghiên cứu. Kết luận được các vấn đề cốt lõi của thực trạng nghiên cứu.	Trình bày rõ ràng, khá đầy đủ về thực trạng nghiên cứu. Kết luận được các vấn đề cốt lõi của thực trạng nghiên cứu.	Trình bày tương đối đầy đủ về thực trạng nghiên cứu. Kết luận được tương đối các vấn đề cốt lõi của thực trạng nghiên cứu.	Trình bày không rõ ràng, chưa đầy đủ về thực trạng nghiên cứu. Không Kết luận được các vấn đề cốt lõi của thực trạng nghiên cứu.
	Lập luận Đưa ra giải pháp	20	Hoàn toàn chặt chẽ, logic.	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	Không chặt chẽ, logic
Thái độ và trách nhiệm	Thái độ và trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp	5	Tinh thần tuân thủ nguyên tắc làm việc tại công ty thực tập cao. Có nhận xét tốt của công ty thực tập. Nộp bài và chữa bài đầy đủ	Tinh thần tuân thủ nguyên tắc làm việc tại công ty thực tập khá cao. Có nhận xét tốt của công ty thực tập. Nộp bài và chữa bài khá đầy	Có tinh thần tuân thủ nguyên tắc làm việc tại công ty thực tập. Có nhận xét của công ty thực tập.	Có tinh thần tuân thủ nguyên tắc làm việc tại công ty thực tập. Có nhận xét

			theo tiến độ.	đủ theo tiến độ.	Nộp bài và chữa bài chưa theo tiến độ.	của công ty thực tập. Nộp bài và chữa bài không đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, fomat…)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing cẩu thả

Rubric 6b: Đánh giá Báo cáo Khóa luận tốt nghiệp (Giảng viên phản biện)

Tiêu chí		**Trọng số %**	**Tốt 8.5 – 10 điểm**	**Khá 6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình 4.0 – 6.4 điểm**	**Kém 0 – 3.9 điểm**
Cấu trúc		05	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý

Nội dung	Nêu vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu phù hợp được viết khoa học, rõ ràng	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu phù hợp nhưng chưa được viết khoa học, rõ ràng.	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu chưa phù hợp.
	Nền tảng lý thuyết	20	Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết khá phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết tương đối phù hợp	Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp
	Nghiên cứu thực trạng	30	Trình bày rõ ràng, đầy đủ về thực trạng nghiên cứu	Trình bày rõ ràng, khá đầy đủ về thực trạng nghiên cứu	Trình bày tương đối đầy đủ về thực trạng nghiên cứu	Trình bày không rõ ràng, chưa đầy đủ về thực trạng nghiên cứu
	Lập luận Đưa ra giải pháp	20	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	Không chặt chẽ, logic
Kết luận		5	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ

Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, fomat…)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing cẩu thả

UNETI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP